

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN ĐÌNH THANH

**NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI
XÂM PHẠM SỞ HỮU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

NGUYỄN ĐÌNH THANH

**NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI
XÂM PHẠM SỞ HỮU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Chuyên ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm

Mã số : 60.38.01.05

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS.PHẠM VĂN TỈNH**

HÀ NỘI - 2017

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU.....	8
1.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu.....	8
1.2. Phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên cơ sở của cơ chế tác động.....	12
Chương 2 THỰC TRẠNG NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG.....	24
2.1. Thực trạng nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011-2015.....	24
2.2. Thực trạng các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011-2015	40
2.3. Thực trạng làm sáng tỏ các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương thông qua các chủ thể phòng, chống tội phạm	52
Chương 3 PHÒNG NGỪA CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TỪ KHÍA CẠNH NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HIỆN TƯỢNG TIÊU CỰC NÀY	55
3.1. Tăng cường nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm xâm phạm sở hữu trong phòng ngừa tình hình tội phạm này	55
3.2. Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu và dự báo tình hình các tội xâm phạm sở hữu	57
3.3. Giải quyết nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm xâm phạm sở hữu và phòng ngừa tình hình các tội phạm xâm phạm sở hữu	60
KẾT LUẬN.....	72
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	74
PHẦN PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

1. **Bảng 2.1.** *Mức độ tổng quan của tình hình tội phạm nói chung và tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương (2011 – 2015)*, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, Báo cáo thống kê án hình sự các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, Bình Dương.

2. **Bảng 2.2.** *Biểu đồ diễn biến tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương*, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, Báo cáo thống kê án hình sự các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, Bình Dương.

3. **Bảng 2.3.** *Cơ sở tội phạm nói chung và các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương (2011 – 2015)*, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, Báo cáo thống kê án hình sự các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, Bình Dương.

4. **Bảng 2.4.** *Cơ cấu của từng loại tội XPSH trong mối quan hệ với các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương (2011-2015)*, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, Báo cáo thống kê án hình sự các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, Bình Dương.

5. **Bảng 2.5.** *Diễn biến tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011-2015 (so sánh định gốc)*, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, Báo cáo thống kê án hình sự các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, Bình Dương.

6. **Bảng 2.6.** *Diễn biến tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn cả nước giai đoạn 2011 – 2015*, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tình hình tội phạm ở Việt Nam năm 2015, Hà Nội.

7. **Bảng 2.7.** *Cơ cấu của tình hình các tội XPSH ở tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011 – 2015 xét theo đơn vị hành chính cấp huyện trên cơ sở cơ sở tội phạm và mật độ tội phạm*, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, Báo cáo thống kê án hình sự các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, Bình Dương.

8. **Bảng 2.8.** *Cơ cấu của tình hình các tội XPSH ở tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011 – 2015 xét theo đơn vị hành chính cấp huyện trên cấp độ nguy hiểm*, Viện

kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, Báo cáo thống kê án hình sự các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, Bình Dương.

9. **Bảng 2.9.** *Cơ cấu xét theo các bước thực hiện hành vi phạm tội*, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (2011-2015), các bản án sơ thẩm hình sự về các tội XPSH trên địa bàn tỉnh giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 (100 bản án).

10. **Bảng 2.10.** *Cơ cấu xét theo công cụ gây án*, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (2011-2015), các bản án sơ thẩm hình sự về các tội XPSH trên địa bàn tỉnh giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 (100 bản án).

11. **Bảng 2.11.** *Cơ cấu xét theo thời gian gây án*, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (2011-2015), các bản án sơ thẩm hình sự về các tội XPSH trên địa bàn tỉnh giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 (100 bản án).

12. **Bảng 2.12.** *Cơ cấu xét theo địa điểm thực hiện hành vi phạm tội*, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (2011-2015), các bản án sơ thẩm hình sự về các tội XPSH trên địa bàn tỉnh giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 (100 bản án).

13. **Bảng 2.13.** *Cơ cấu xét theo phương tiện gây án*, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (2011-2015), các bản án sơ thẩm hình sự về các tội XPSH trên địa bàn tỉnh giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 (100 bản án).

14. **Bảng 2.14.** *Cơ cấu xét theo thiệt hại do tội phạm gây ra*, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (2011-2015), các bản án sơ thẩm hình sự về các tội XPSH trên địa bàn tỉnh giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 (100 bản án).

15. **Bảng 2.15.** *Cơ cấu xét theo chế tài đã áp dụng*, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (2011-2015), các bản án sơ thẩm hình sự về các tội XPSH trên địa bàn tỉnh giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 (100 bản án).

16. **Bảng 2.16.** *Cơ cấu xét theo độ tuổi của bị cáo*, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (2011-2015), các bản án sơ thẩm hình sự về các tội XPSH trên địa bàn tỉnh giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 (100 bản án).

17. **Bảng 2.17.** *Cơ cấu xét theo giới tính của bị cáo*, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (2011-2015), các bản án sơ thẩm hình sự về các tội XPSH trên địa bàn tỉnh giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 (100 bản án).

18. **Bảng 2.18.** *Cơ cấu xét theo hình thức cư trú*, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (2011-2015), các bản án sơ thẩm hình sự về các tội XPSH trên địa bàn tỉnh giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 (100 bản án).

19. **Bảng 2.19.** *Cơ cấu xét theo trình độ văn hóa của bị cáo*, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (2011-2015), các bản án sơ thẩm hình sự về các tội XPSH trên địa bàn tỉnh giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 (100 bản án).

20. **Bảng 2.20.** *Cơ cấu xét theo nghề nghiệp của bị cáo*, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (2011-2015), các bản án sơ thẩm hình sự về các tội XPSH trên địa bàn tỉnh giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 (100 bản án)

21. **Bảng 2.21.** *Cơ cấu xét theo tôn giáo, tín ngưỡng*, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (2011-2015), các bản án sơ thẩm hình sự về các tội XPSH trên địa bàn tỉnh giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 (100 bản án).

22. **Bảng 2.22.** *Cơ cấu xét theo hoàn cảnh gia đình*, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (2011-2015), các bản án sơ thẩm hình sự về các tội XPSH trên địa bàn tỉnh giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 (100 bản án).

23. **Bảng 2.23.** *Cơ cấu xét theo tình trạng hôn nhân*, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (2011-2015), các bản án sơ thẩm hình sự về các tội XPSH trên địa bàn tỉnh giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 (100 bản án).

24. **Bảng 2.24.** *Cơ cấu xét theo đặc điểm tiền sự*, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (2011-2015), các bản án sơ thẩm hình sự về các tội XPSH trên địa bàn tỉnh giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 (100 bản án).

25. **Bảng 2.25.** *Cơ cấu xét theo đặc điểm tái phạm, tái phạm nguy hiểm*, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (2011-2015), các bản án sơ thẩm hình sự về các tội XPSH trên địa bàn tỉnh giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 (100 bản án).

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tỉnh Bình Dương thuộc miền Đông Nam Bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, với diện tích 2.694,43 km² xếp thứ 4 trong vùng Đông Nam Bộ. Phía Bắc tỉnh Bình Dương giáp tỉnh Bình Phước, phía Nam giáp Thành phố Hồ Chí Minh, phía Đông giáp tỉnh Đồng Nai, phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh. Bình Dương là cửa ngõ giao thương của các tỉnh phía bắc, miền Trung, Tây Nguyên với Thành phố Hồ Chí Minh... thuận lợi cho phát triển kinh tế và xã hội toàn diện. Bình Dương có 01 thành phố (Thủ Dầu Một), 04 thị xã (Thuận An, Dĩ An, Tân Uyên, Bến Cát) và 04 huyện (Dầu Tiếng, Phú Giáo, Bắc Tân Uyên, Bàu Bàng), tổng cộng là 9 đơn vị hành chính-lãnh thổ. Tính đến cuối năm 2015, dân số tỉnh Bình Dương là 1.861.714 người với khoảng 15 dân tộc sinh sống, nhưng chủ yếu là người Kinh, tiếp đó là người Hoa, người Khmer ...

Từ giữa những năm 90, với chính sách “Trải chiếu mời gọi đầu tư, trải thảm đỏ thu hút nhân tài” Bình Dương đã trở thành một tỉnh có tốc độ tăng trưởng kinh tế luôn ở mức cao, cơ cấu kinh tế chuyển biến tích cực, công nghiệp, dịch vụ tăng trưởng nhanh và chiếm tỷ trọng cao, thu hút được nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước, từ đó đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện. Hiện nay, toàn tỉnh có 29 khu công nghiệp với tổng diện tích hơn 9.425 hecta và 08 cụm công nghiệp với diện tích gần 600 hecta.

Cũng như các nơi khác, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, Bình Dương cũng phải đối mặt với nhiều hiện tượng tiêu cực, như: Tình trạng nhập cư, cư trú trái phép; sự phân hóa giàu nghèo; sự xâm nhập văn hóa độc hại, lối sống thực dụng, tệ nạn xã hội,... làm cho tình hình an ninh trật tự hết sức phức tạp. Thực tế cho thấy, trên địa bàn tỉnh Bình Dương, tình hình các tội xâm phạm sở hữu (XPSH) như: cướp, trộm cắp, lừa đảo... đang có diễn biến phức tạp, gia tăng cả về số vụ, số đối tượng lẫn tính chất nguy hiểm. Theo thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, từ năm 2011 đến 2015 đã phát hiện, xét xử 4.474 vụ án với 8.077 bị

cáo phạm các tội XPSH, chiếm 46,55% (4.474/9.610) tổng số vụ án và chiếm 42,85% (8.077/18.849) tổng số bị cáo mà Tòa án đã xét xử.

Từ số liệu trên cho thấy, các vụ án XPSH chiếm tỉ lệ rất cao trong các vụ án đã được Tòa án xét xử. Bên cạnh đó, hậu quả do những đối tượng thực hiện hành vi phạm tội thuộc nhóm tội này gây ra không chỉ thiệt hại về vật chất, thể chất và tinh thần đối với những bị hại mà còn là uy tín, niềm tin của Nhân dân đối với Nhà nước, sự nhìn nhận của bạn bè quốc tế, nhà đầu tư về tình hình an ninh trật tự tại tỉnh Bình Dương...

Thực hiện Chỉ thị số 48 CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”, Quyết định số 1217/2012/QĐ-TTg ngày 06/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm giai đoạn 2012 – 2015 và Quyết định số 623/2012/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm giai đoạn 2016 – 2025 và định hướng đến năm 2030, các cơ quan, ban ngành, đoàn thể trên địa bàn tỉnh đã đề ra nhiều kế hoạch chỉ đạo, tập trung lực lượng, áp dụng nhiều biện pháp phòng, chống tội phạm như: Tỉnh ủy Bình Dương ban hành Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 12/01/2011 về việc thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; Công an tỉnh Bình Dương ban hành Kế hoạch số 08/KH-CAT-PV11 ngày 16/03/2011 thực hiện Chỉ thị số 48/CT-TW ngày 22/10/2010 về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới” trong lực lượng Công an Bình Dương... Tuy vậy, tình hình các tội XPSH trên địa bàn vẫn không giảm, thậm chí có một số tội tiếp tục gia tăng. Vì thế, hiện tượng tiêu cực phổ biến này cần phải được nghiên cứu cơ bản và chuyên sâu theo hướng phòng ngừa tội phạm. Điều này có nghĩa rằng việc đề ra và tiến hành các biện pháp phòng ngừa tình hình các tội XPSH không chỉ là vấn đề kinh nghiệm chủ nghĩa, mà phải được tạo dựng trên cơ sở nhận thức rõ về tình hình

tội phạm, về nguyên nhân và điều kiện của nó, tức là phải được giải quyết trên cơ sở hướng dẫn của khoa học chuyên ngành. Đó là tội phạm học.

Tội phạm học vốn là khoa học về phòng ngừa tội phạm, tức là mọi công trình nghiên cứu trong phạm vi chuyên ngành này đều dẫn đến phòng ngừa tội phạm. Nói khác đi, phòng ngừa tội phạm là mục đích của tội phạm học và nó chỉ có thể đạt hiệu quả cao khi phòng ngừa tội phạm được thiết lập trên cơ sở đã làm rõ được bản thân tình hình tội phạm và xác định được nguyên nhân và điều kiện của hiện tượng tiêu cực này. Như vậy, để đạt hiệu quả cao trong phòng ngừa tình hình tội phạm này điều quan trọng là phải làm rõ được nguyên nhân và điều kiện của hiện thực đó một cách toàn diện và hệ thống nhằm làm cơ sở thực tế cho việc hoạch định, đề ra các biện pháp phòng ngừa đối với tội phạm này một cách hiệu quả nhất.

Với cách nhìn nhận như vậy và đặc biệt là để góp phần phòng ngừa, tiến tới đẩy lùi các tội XPSH trên địa bàn tỉnh, đề tài ***“Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương”*** đã được tác giả lựa chọn để nghiên cứu.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Để có cơ sở lý luận cho việc thực hiện đề tài Luận văn, các công trình khoa học sau đây đã được nghiên cứu:

- *“Tội phạm học, Luật Hình sự, Luật Tố tụng Hình sự Việt Nam”*, Nxb Chính trị quốc gia, năm 1994;
- *“Tội phạm học Việt Nam-Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”* của Viện Nhà nước và Pháp luật, Nxb Công an nhân dân, năm 2000;
- *“Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam”* của TS. Phạm Văn Tỉnh, Nxb Tư pháp, năm 2007;
- *“Đấu tranh với tình hình tội phạm chống người thi hành công vụ ở nước ta hiện nay, một mô hình nghiên cứu tội phạm học chuyên ngành”* của Phạm Văn Tỉnh, Đào Bá Sơn, Nxb Công an nhân dân, năm 2010;
- Giáo trình *“Tội phạm học”* của GS.TS. Võ Khánh Vinh, Nxb Công an nhân dân, 2013;

- Giáo trình “*Tội phạm học*” của trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân, năm 2004, 2012;

- “*Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*” của Nguyễn Văn Cảnh và Phạm Văn Tĩnh, do Học viện Cảnh sát nhân dân, Bộ Công an ấn hành năm 2013.

Ở mức độ cụ thể và liên quan trực tiếp đến đề tài luận văn, các công trình khoa học sau đây cũng đã được tham khảo:

- Huỳnh Văn Em (2007), “*Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra các vụ án XPSH trên các tuyến giao thông đường thủy nội địa ở địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*”, Luận văn Thạc sỹ luật học, Đại học Cảnh sát nhân dân;

- Trần Điện Ảnh (2014), “*Các tội XPSH có tính chiếm đoạt do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Định: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*”, Luận văn Thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội;

- Huỳnh Tấn Đạt (2014), “*Các tội XPSH do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*”, Luận văn Thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội;

- Nguyễn Thị Diệu Hiền (2014), “*Các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*”, Luận văn Thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội;

- Trần Thị Hồng Lê (2014), “*Các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Phước: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*”, Luận văn Thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội;

- Nguyễn Kiến Thức (2015), “*Các tội XPSH trên địa tỉnh Sóc Trăng: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*”, Luận văn Thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội;

- Nguyễn Văn Phên (2015), “*Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Tiền Giang*”, Luận văn Thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội;

- Nguyễn Thị Triều Mến (2015), “Nhân thân người phạm tội XPSH từ thực tiễn tỉnh Bình Dương”, Luận văn Thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội.

Ngoài ra còn có một số công trình, bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành, đề cập đến vấn đề nghiên cứu của đề tài luận văn. Các đề tài, công trình nghiên cứu nêu trên với góc độ tiếp cận và mục tiêu khác nhau đều đã có những đóng góp hoàn thiện lý luận và đề ra các giải pháp thực tiễn, rất cần được tham khảo.

Như vậy, cho đến thời điểm hiện tại, đại đa số các công trình khoa học đã công bố đều được tiến hành theo hướng tổng quát cả hệ thống các vấn đề cơ bản của tội phạm học. Điều đó là đúng và hợp lô-gic chuyên ngành tội phạm học, song bị giới hạn trong khuôn khổ đã được quy định của hình thức công trình, nên chưa thể đi sâu, chưa thể khai thác triệt để những khả năng lý luận và thực tiễn vốn chứa đựng trong từng vấn đề cơ bản đó. Vì thế, việc nghiên cứu tập trung vào một vấn đề “*Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm XPSH*” trên một địa bàn cụ thể như tỉnh Bình Dương là một hướng nghiên cứu mới, một đề tài chuyên sâu mang nhiều ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Phòng ngừa tội phạm là mục đích nghiên cứu của tội phạm học. Đề tài Luận văn này cũng hướng tới mục đích như vậy, nhưng bằng cách nghiên cứu chuyên sâu về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015 để tạo tiền đề cho việc phòng ngừa tình hình tội phạm này trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

3.2. Nhiệm vụ của luận văn

Để đạt được mục đích trên, đề tài tập trung thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Khái quát hóa những vấn đề lý luận chung về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH;
- Áp dụng lý luận chung đó vào việc làm rõ thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011-2015;

- Kiến nghị bổ sung hay tăng cường những giải pháp phòng ngừa các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương trên cơ sở thực trạng đã được xác định về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh.

4. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Nếu quan niệm rằng, quy luật của sự phạm tội là đối tượng nghiên cứu của tội phạm học, thì bản thân tên đề tài này, tức là “*Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương*” đã nói về vấn đề đó và cụ thể hơn, đối tượng nghiên cứu của luận văn chính là sự tương tác giữa những hiện tượng, những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường sống ở tỉnh Bình Dương và những đặc điểm tiêu cực của các chủ thể (nhân thân người phạm tội) mà trong những hoàn cảnh, tình huống nhất định đã thực hiện những hành vi tạo thành *tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương*.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung, đề tài được nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học thuộc chuyên ngành Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm;
- Về tội danh, đề tài phải đề cập đến đời sống thực tế của các tội được quy định từ Điều 133 đến Điều 145 của Bộ luật hình sự hiện hành;
- Về không gian, đề tài sử dụng số liệu thực tế trên địa bàn tỉnh Bình Dương, bao gồm số liệu thống kê của các cơ quan tư pháp hình sự cấp tỉnh, đặc biệt là của Tòa án nhân dân và 100 bản án hình sự sơ thẩm;
- Về thời gian, đề tài nghiên cứu giới hạn trong thời gian từ 2011 đến năm 2015.

5. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về các vấn đề mà đề tài phải quan tâm, như tình hình tội phạm, tình hình các tội XPSH; nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH; nhân thân người phạm tội; phòng ngừa tội phạm.

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp biện chứng; phương pháp lô-gic; phương pháp nghiên cứu hồ sơ; phương pháp tổng kết thực tiễn; phương pháp điều tra xã hội học; phương pháp phân tích; tổng hợp; thống kê; so sánh; kế thừa; hệ thống; diễn giải; quy nạp.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

- Ý nghĩa lý luận: Kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần làm rõ hơn lý luận tội phạm học về nguyên nhân và điều kiện của tội phạm nói chung và của các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương nói riêng.

- Ý nghĩa thực tiễn của đề tài: Kết quả nghiên cứu của đề tài có thể giúp cá nhân, cơ quan, tổ chức tham khảo để vận dụng vào việc tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho quần chúng nhân dân về nguyên nhân và điều kiện của tội phạm và vận dụng trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn có kết cấu ba chương, cụ thể như sau:

Chương 1. Những vấn đề lý luận về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu.

Chương 2. Thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Chương 3. Phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu từ khía cạnh nguyên nhân và điều kiện của hiện tượng tiêu cực này.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU

1.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu

1.1.1. Khái niệm nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu

GS.TS. Võ Khánh Vinh khẳng định rằng, “*Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm được hiểu là hệ thống các hiện tượng xã hội tiêu cực trong hình thái kinh tế - xã hội tương ứng quyết định sự ra đời của tình hình tội phạm như là hậu quả của mình*” và “*Các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm tạo thành một hệ thống gồm nhiều bộ phận cấu thành nó*”. [49, tr. 87-88]

Quan điểm trên thể hiện bản chất nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm nói chung. Tuy nhiên, để áp dụng vào trường hợp cụ thể của đề tài, tức là tìm ra nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH ở trên địa bàn tỉnh Bình Dương thì khái niệm này cần phải “giải mã” để làm nền tảng, định hướng cho việc nghiên cứu. Về nguyên nhân, theo quan điểm của Chủ nghĩa Mac – Lênin thì đó là phạm trù chỉ sự tác động qua lại giữa các mặt của một sự vật, một hiện tượng hoặc giữa các sự vật, các hiện tượng với nhau gây ra một sự biến đổi nhất định gọi là kết quả. Như vậy, về bản chất nguyên nhân không phải là hiện tượng hay sự vật nào đó mà nguyên nhân chỉ có thể là sự tác động qua lại, không có sự tác động qua lại thì không có nguyên nhân.

Để nguyên nhân sinh ra kết quả nào đó như tình hình các tội XPSH chẳng hạn, thì quá trình tương tác phải diễn ra trong một điều kiện nhất định. Điều này có nghĩa rằng, điều kiện tuy không sản sinh ra kết quả, song tạo thuận lợi, hỗ trợ, thúc đẩy sự tương tác sinh ra kết quả. Về bản chất, điều kiện là những sự kiện, hiện tượng, tình huống, hoàn cảnh nhất định.

Sự tác động qua lại đó, trong điều kiện hoàn cảnh đó phải sinh ra kết quả đó - tình hình các tội XPSH. Ở đây, chúng ta gọi là nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH.

Với cách nhìn nhận như vậy, có thể đưa ra nhận định: *Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH là sự tác động qua lại giữa các yếu tố tiêu cực của môi trường sống với các yếu tố tâm – sinh lý tiêu cực thuộc cá nhân con người, trong những tình huống, hoàn cảnh nhất định làm phát sinh các hành vi nguy hiểm cho xã hội mà Luật hình sự quy định là các tội XPSH.*

1.1.2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu

Trong các đối tượng nghiên cứu của tội phạm học thì nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm là đối tượng đóng vai trò quan trọng, tạo thuận lợi cho việc nghiên cứu, nhận thức các đối tượng khác của tội phạm học. Cho nên, vấn đề nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH được nghiên cứu một cách sâu sắc, toàn diện sẽ mang lại nhiều ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn

1.1.2.1. Ý nghĩa lý luận của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu

Thứ nhất, việc nghiên cứu, làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH góp phần nhận thức sâu sắc hơn, rõ nét hơn về “bức tranh” tình hình các tội XPSH.

Tình hình tội phạm là nội dung cơ bản, đầu tiên thuộc đối tượng nghiên cứu của tội phạm học, được định nghĩa chính là hiện tượng tâm - sinh lý – xã hội tiêu cực, vừa mang tính lịch sử và lịch sử cụ thể, vừa mang tính pháp lý hình sự với hạt nhân là tính giai cấp, được biểu hiện thông qua tổng thể các hành vi phạm tội cùng các chủ thể đã thực hiện các hành vi đó trong một đơn vị thời gian và không gian nhất định [29, tr. 107]. Vì vậy, khi nghiên cứu, làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm nói chung, nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH nói riêng sẽ giúp hiểu sâu sắc hơn về tình hình tội phạm XPSH, lý giải được mỗi

quan hệ giữa tình hình tội phạm XPSH với các nhân tố và sự tác động qua lại giữa các nhân tố trong việc làm phát sinh ra tình hình tội phạm.

Thứ hai, nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH còn giúp hiểu rõ hơn các yếu tố thuộc nhân thân người phạm tội, xem xét, nhìn nhận những yếu tố này trong sự tác động qua lại với các yếu tố khác thuộc môi trường sống và hoàn cảnh làm phát sinh tình hình các tội XPSH.

Trong tội phạm học, nghiên cứu nhân thân người phạm tội có ý nghĩa trong việc đề ra giải pháp phòng ngừa tội phạm phù hợp. Tuy nhiên, để đề ra các giải pháp phòng ngừa tình hình các tội XPSH dựa trên các nghiên cứu về nhân thân người phạm tội cần phải xem xét các yếu tố thuộc nhân thân trong sự tác động qua lại với các yếu tố thuộc môi trường sống và hoàn cảnh làm phát sinh tình hình các tội XPSH. Có nghĩa rằng, mặc dù nghiên cứu nhân thân người phạm tội XPSH có ý nghĩa, giá trị thiết thực cho việc xác định nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH nhưng ngược lại, chỉ khi xem xét các yếu tố thuộc nhân thân người phạm tội XPSH trong sự tác động qua lại với các yếu tố khác thuộc nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH thì chúng ta mới nhận thức đúng đắn, sâu sắc hơn về nhân thân người phạm các tội XPSH cũng như phát huy được ý nghĩa nghiên cứu của nó – làm cơ sở đề ra giải pháp phòng ngừa tình hình các tội XPSH một cách phù hợp.

Thứ ba, việc nghiên cứu, làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH phục vụ đắc lực cho nghiên cứu, đề ra các dự báo tình hình các tội XPSH và kế hoạch hóa hoạt động phòng ngừa tình tội phạm này.

Dự báo tình hình tội phạm được hiểu là việc tiến hành nghiên cứu, phân tích tình hình tội phạm và đưa ra những phán đoán khoa học về khả năng tồn tại, diễn biến của tình hình tội phạm sẽ diễn ra trong tương lai, trong những khoảng thời gian và không gian nhất định nhằm đề ra các giải pháp chủ động phòng chống tội phạm một cách hiệu quả [35, tr. 360]. Chỉ khi nhận thức đầy đủ được nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH mới làm sáng tỏ các yếu tố thuộc các căn cứ của dự

báo, đưa ra những dự báo tiệm cận diễn biến thực tế tình hình tội phạm XPSH trong tương lai.

Thứ tư, nghiên cứu, làm rõ nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội XPSH góp phần hoàn thiện hệ thống lý luận của chính nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm.

Bằng việc nghiên cứu tổng quát về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH nói chung và nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương nói riêng sẽ góp phần làm rõ, minh họa phong phong phú cho các lý luận về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm.

Thứ năm, nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH còn góp phần cung cấp những thông tin hữu ích cho các ngành khoa học pháp lý khác sử dụng làm tài liệu để tiếp tục đi sâu nghiên cứu, xem xét đối tượng của mình, đồng thời là cơ sở áp dụng các phương pháp, biện pháp trong thực tế phòng, chống tội phạm.

Đối với khoa học Luật hình sự, những thông tin về các đặc điểm, dấu hiệu khi nghiên cứu cơ chế của hành vi phạm tội có ý nghĩa quan trọng khi làm sáng tỏ các đặc điểm nhân thân của người phạm tội XPSH được khoa học luật hình sự khái quát hóa để nghiên cứu đưa ra những quy phạm pháp luật cụ thể quy định các vấn đề như: dấu hiệu của chủ thể tội phạm XPSH, vấn đề truy cứu hay miễn trách nhiệm hình sự, những trường hợp cần được miễn, giảm hình phạt...

Khoa học tổ tụng hình sự dựa vào những thông tin phản ánh về nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội XPSH, đặc biệt là xem xét các yếu tố đó dựa trên việc nghiên cứu cơ chế hành vi phạm tội để nghiên cứu đưa ra những quy phạm pháp luật đúng trình tự, thủ tục tiến hành các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đối với các vụ việc có dấu hiệu của các tội XPSH, giải quyết nhanh chóng, chính xác các vụ án, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, xử lý đúng người, đúng tội, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

1.1.2.2. Ý nghĩa thực tiễn của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu

Thứ nhất, trên cơ sở nghiên cứu làm rõ nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội XPSH giúp cho các chủ thể thực hiện hoạt động phòng ngừa tội phạm đề ra các kế hoạch, các phương pháp, giải pháp nhằm tác động làm hạn chế, hướng tới xóa bỏ nguyên nhân, điều kiện của tội phạm XPSH.

Trong hoạt động phòng ngừa tội phạm XPSH, những kết quả nghiên cứu về nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội XPSH ở từng giai đoạn, địa bàn cụ thể sẽ giúp cho chúng ta có cơ sở áp dụng các biện pháp phòng ngừa thích hợp đối với từng giai đoạn, từng lĩnh vực, địa bàn nhất định nhằm đạt được hiệu quả tối ưu nhất.

Thứ hai, nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH còn góp phần cung cấp những thông tin hữu ích cho khoa học quản lý, giáo dục người phạm tội chẳng hạn như những phương pháp phân loại người phạm tội để nghiên cứu những hình thức, phương pháp quản lý, giáo dục và tái hòa nhập cộng đồng đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm tác động tích cực đến hoạt động loại trừ nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội XPSH ra khỏi đời sống xã hội.

Thứ ba, nghiên cứu làm rõ nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội XPSH còn nhằm phát hiện, làm rõ các sơ hở, thiếu sót trên các lĩnh vực quản lý Nhà nước để kịp thời đề ra phương hướng, biện pháp khắc phục góp phần phòng ngừa tình hình các tội XPSH một cách hiệu quả nhất.

1.2. Phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên cơ sở của cơ chế tác động

Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH rất đa dạng, phong phú và có những mức độ tồn tại, thể hiện khác nhau. Để thuận lợi có việc nhận thức chúng về mặt khoa học và mặt thực tiễn thì cần phải phân loại chúng.

Việc phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH cũng dựa trên lý luận về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm. Tùy vào cách tiếp cận vấn đề mà ta có thể phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH thành các nhóm khác nhau. Xét thấy để giải quyết tốt nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài thì cần phải phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH trên cơ sở cơ chế hành vi phạm tội.

Nghiên cứu các công trình, tài liệu về cơ chế hành vi phạm tội [21,35,45], có thể rút ra các kết luận sau:

Một là, hệ thống các yếu tố làm phát sinh tình hình các tội XPSH cần làm rõ dựa trên quy luật của cơ chế hành vi phạm tội vận hành theo công thức $S - X - R$, trong đó S là kích thích khách thể (môi trường sống), X là kích thích phương tiện (yếu tố tâm sinh lý con người với hạt nhân là ý thức pháp luật) và R là hành động trả lời các kích thích đó;

Hai là, cơ chế hành vi phạm tội có hai quá trình: Quá trình một là quá trình tương tác nhập tâm; Quá trình hai là quá trình tương tác xuất tâm. Hai quá trình này phụ thuộc lẫn nhau, tác động lẫn nhau;

- *Ba là*, quá trình tương tác nhập tâm trong cơ chế hành vi phạm tội là quá trình con người chuyển các yếu tố từ phía môi trường sống vào bản thân mình để tạo thành tâm lý, ý thức, quan điểm, nhân cách của bản thân và cách nhìn nhận thế giới bên ngoài. Quá trình tương tác nhập tâm diễn ra trong đầu óc con người, kéo dài từ khi sinh ra cho đến khi có động cơ tư tưởng thực hiện hành vi phạm tội (Động cơ hóa hành vi), quá trình này phụ thuộc vào khả năng nhận thức của từng con người và được bộc lộ ra bên ngoài thông qua quá trình tương tác xuất tâm;

- *Bốn là*, quá trình tương tác xuất tâm trong cơ chế hành vi phạm tội là quá trình bộc lộ tâm lý, ý thức, đặc biệt là ý thức pháp luật, ra bên ngoài thông qua hoạt động kế hoạch hóa và hiện thực hóa hành vi. Nói cách khác, quá trình tương tác xuất tâm không chỉ có biểu hiện là hành vi cụ thể nào đó, mà còn là kết quả phản ánh quá trình tương tác nhập tâm. [20]

Trên cơ sở lý luận như đã trình bày, việc phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH theo cơ chế hành vi phạm tội được tiến hành như sau:

1.2.1. Nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình tương tác nhập tâm

Quá trình tương tác nhập tâm của cơ chế hành vi phạm tội XPSH kéo dài từ khi sinh ra cho tới khi chủ thể hành vi có được động lực thực hiện hành vi phạm tội XPSH, tức là từ quá trình tiếp nhận các yếu tố từ môi trường bên ngoài từ khi sinh ra đến giai đoạn “động cơ hóa hành vi” trong mô hình cơ chế hành vi phạm tội. Quá

trình này chỉ diễn ra trong đầu óc con người, được gọi là “Quá trình tương tác nhập tâm”. Chính những yếu tố tiêu cực thuộc quá trình này cùng với các yếu tố thuộc tâm sinh lý bên trong con người đã tạo cho chủ thể hành vi một nhân thân xấu dần và dẫn tới xác định cho mình động lực để phạm tội – động cơ hóa hành vi.

1.2.1.1. Những nguyên nhân và điều kiện khách quan

Nguyên nhân và điều kiện khách quan thuộc quá trình tương tác nhập tâm tồn tại trước khi đối tượng có động cơ tư tưởng phạm tội. Những nguyên nhân, điều kiện này tác động lên đối tượng trong một khoảng thời gian dẫn đến việc hình thành những nhu cầu lợi ích không phù hợp với các chuẩn mực xã hội; để thỏa mãn nhu cầu, lợi ích đó thì đối tượng lựa chọn con đường đó là thực hiện hành vi XPSH và dự định sẽ làm khi có điều kiện thích hợp. Tuy nhiên, cần phải lưu ý rằng như đã trình bày thì kết quả sự tác động của các yếu tố này còn phụ thuộc vào khả năng lĩnh hội của chủ thể điều này giải thích cho việc không phải ai rơi vào môi trường không thuận lợi cũng đều có ý định phạm tội – Động cơ hóa hành vi.

a) Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường gia đình

Gia đình là tế bào của xã hội, cái nôi nuôi dưỡng và là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách của con người. Nhân cách của con người được hình thành qua một quá trình giáo dục từ gia đình đến nhà trường và xã hội. Trong đó, gia đình được xem như là cái nôi văn hóa đầu tiên hình thành nhân cách con người. Môi trường gia đình thuận lợi sẽ hình thành các đặc điểm nhân thân tích cực đối với mỗi cá nhân. Ngược lại, môi trường gia đình khuyết thiếu, quá nuông chiều hay quá nghiêm khắc, các thành viên thiếu sự quan tâm nhau,... sẽ hình thành các đặc điểm nhân thân tiêu cực đối với mỗi thành viên trong gia đình, đặc biệt là đối với lứa tuổi thanh thiếu niên. Qua đó ta thấy, gia đình có vai trò quyết định nhân cách gốc của con người. Cho nên, con người trở thành người tốt hay trở thành tội phạm XPSH có phần nguyên nhân từ gia đình. Như vậy để phòng ngừa cũng như đấu tranh chống tội phạm XPSH, việc xem xét các yếu tố tiêu cực từ môi trường gia đình có vai trò rất quan trọng.

b) Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường nhà trường

Nhà trường không chỉ là nơi truyền thụ kiến thức cho người học mà còn có vai trò quan trọng để rèn luyện đạo đức, pháp luật, kỹ năng sống và giáo dục thể hệ trẻ trở thành những con người sống có hoài bão, có lý tưởng tốt đẹp... Nhà trường khi làm tốt nhiệm vụ của mình thì sẽ đào tạo được những thế hệ trẻ tương lai có đủ tài và đức để giúp ích cho xã hội, đất nước. Ngược lại, nếu trong môi trường trường học tồn tại nhiều nhân tố không lành mạnh thì cũng có thể ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách lệch lạc của cá nhân, hình thành đặc điểm nhân thân xấu, từ đó khi gặp tình huống tiêu cực họ dễ phát sinh động cơ vi phạm pháp luật. Các nhân tố không lành mạnh từ môi trường giáo dục là nguyên nhân của tình hình các tội XPSH có thể kể đến bao gồm: nhà trường chưa chú trọng giáo dục đạo đức, pháp luật và kỹ năng sống; chưa chú trọng giáo dục sự tôn trọng tài sản, tính mạng của người khác; nội dung và phương pháp giảng dạy không phù hợp; sự quản lý lỏng lẻo, không có hoặc có nhưng không đạt hiệu quả về sự phối hợp giữa nhà trường với gia đình, xã hội trong việc giáo dục trẻ em...

c. Những yếu tố thuộc môi trường bạn bè

Cùng với gia đình, nhà trường, bạn bè cũng có ảnh hưởng vô cùng quan trọng trong việc hình thành nhân cách, quan điểm, phương pháp nhận thức thế giới của mỗi người. Đặc biệt là ở các em nhỏ tuổi và đối với bạn bè thân thiết, có những đặc điểm về tâm sinh lý lứa tuổi giống nhau sở thích giống nhau. Vì vậy, bạn bè có ảnh hưởng vô cùng lớn đến các quan điểm, quan niệm, nhận thức lối sống, thậm chí đến thói quen, cách cư xử của một người. Nếu kết bạn với bạn bè tốt, bản thân họ sẽ dễ hình thành các đặc điểm nhân thân tích cực như chăm chỉ học tập, biết quan tâm, lo lắng, chia sẻ với người khác, lễ phép, có nhiều kỹ năng sống... Nhưng khi chơi với những người bạn xấu, người đó rất dễ nhiễm những thói hư, tật xấu của bạn bè như lười học, uống rượu, hút thuốc lá, đua đòi, chơi bời, hưởng thụ, chơi games... hay thậm chí là nghiện ma túy, nghiện rượu, nghiện games, cờ bạc... và để có tiền để thỏa mãn sở thích lệch lạc đó họ sẵn sàng phạm các tội XPSH, đặc biệt là tội trộm cắp, tội cướp tài sản...

d) Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường xã hội

Khi nghiên cứu làm rõ các yếu tố là nguyên nhân, điều kiện phát sinh tình hình các tội XPSH thì cần phải xem xét đến các yếu tố thuộc môi trường xã hội mà Nhà nước là chủ thể quản lý. Chúng ta biết rằng Nhà nước thực hiện chức năng quản lý mọi mặt của đời sống xã hội và Nhà nước cũng là một chủ thể trong mối quan hệ pháp luật hình sự. Vì thế, Nhà nước phải chịu trách nhiệm đối với vấn đề tội phạm trong xã hội. Hay nói cách khác, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm phải bao gồm các yếu tố thuộc môi trường xã hội mà Nhà nước là chủ thể quản lý. Để đảm bảo tính bao quát và tránh sai sót trong việc xác định hệ thống các yếu tố làm phát sinh tình hình các tội XPSH thì các yếu tố này cần phải được phân loại thành các yếu tố khách quan và chủ quan trên cơ sở lấy Nhà nước – một chủ thể của quan hệ pháp luật hình sự, chủ thể bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và của toàn xã hội làm trung tâm để phân biệt [35, tr. 315].

d.1. Những yếu tố khách quan thuộc về xã hội

Những yếu tố khách quan làm phát sinh tình hình các tội XPSH là các yếu tố đang tồn tại trong xã hội tồn tại theo quy luật riêng, không phụ thuộc vào ý chí nhà nước và cũng không phải do nhà nước gây ra. Những yếu tố này có thể kể ra như:

Một là, mặt trái của nền kinh tế thị trường. Bản thân nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường có những yếu tố tạo nên môi trường thuận lợi cho việc phát triển nền kinh tế đất nước, nhưng chính nó cũng làm nảy sinh và phát triển những tiêu cực trong xã hội. Những tác động tiêu cực từ mặt trái của kinh tế thị trường được xem là một trong những nguyên nhân làm tình hình tội phạm nói chung và tình hình các tội XPSH diễn biến theo chiều hướng xấu.

Hai là, khó khăn về kinh tế. Những khó khăn về kinh tế chẳng những tác động vào từng con người cụ thể mà còn tác động tiêu cực đến việc thực hiện các chủ trương, chính sách xã hội của Nhà nước. Những tác động tiêu cực có thể kể đến như: Do kinh tế khó khăn, các cơ quan bảo vệ pháp luật còn gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng và áp dụng các biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung và tình hình các tội XPSH nói riêng; Việc thực hiện phối kết hợp

các biện pháp chung của toàn xã hội với các biện pháp chuyên môn của các cơ quan bảo vệ pháp luật còn gặp nhiều khó khăn dẫn tới chưa toàn diện và triệt để...

Ba là, mặt trái của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Hội nhập kinh tế quốc tế là xu thế tất yếu của mọi quốc gia trên toàn thế giới và thực tế quá trình này đã tác động tích cực đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Tuy nhiên, quá trình này làm xuất hiện những yếu tố làm phát sinh tình hình tội phạm nói chung và tình hình các tội XPSH nói riêng. Chẳng hạn như sự chênh lệch về trình độ công nghệ đã khiến cho các tổ chức, cá nhân ở nước ta trở thành “miếng mồi ngon” của hành vi có tính chiếm đoạt như sử dụng trái phép tần số viễn thông nhằm chiếm đoạt tài sản, làm thẻ tín dụng giả để rút tiền hay lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản ...

Bốn là, do ảnh hưởng của hậu quả chiến tranh. Hậu quả của chế độ thực dân, đế quốc cùng với chiến tranh kéo dài trong nhiều năm đã kìm hãm sự phát triển của xã hội nước ta, phá hoại cơ sở vật chất, tác động tiêu cực đến lối sống trong một bộ phận nhân dân... Đây là một trong những yếu tố làm nảy sinh tình hình tội phạm XPSH.

Năm là, sự cố thiên nhiên, môi trường, thiên tai dịch bệnh.. Những rủi ro mà con người chưa kiểm soát được kể trên làm ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế của nhân dân dễ dẫn đến các hành vi trộm cắp, công nhiên chiếm đoạt tài sản, chiếm giữ tài sản trái phép.

d.2. Những yếu tố chủ quan – Hạn chế, sai sót của Nhà nước trong các khâu quản lý xã hội trên các lĩnh vực

Những yếu tố chủ quan làm phát sinh tình hình tội phạm phải là yếu tố nảy sinh do những hạn chế, thiếu sót của Nhà nước trong quá trình thực hiện chức năng quản lý xã hội đã làm phát sinh tội phạm mặc dù nằm ngoài sự mong muốn của Nhà nước. Đó là những yếu kém, khiếm khuyết trong quá trình quản lý xã hội của Nhà nước... một số hạn chế, thiếu sót của Nhà nước trong quản lý xã hội có thể là nguyên nhân, điều kiện thuộc quá trình tương tác nhập tâm của tình hình các tội XPSH như:

Thứ nhất, chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật còn tồn tại những bất cập. Trong những năm gần đây, thực hiện chính sách đổi mới của Đảng, kinh tế - xã hội đất nước phát triển theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đạt được nhiều thành tựu to lớn. Tuy nhiên, cùng với sự tiến bộ ấy vẫn còn tồn tại những bất cập trong chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật.

Thứ hai, việc thực thi pháp luật chưa nghiêm. Cần phải nhận thức rằng thực thi pháp luật không nghiêm là nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm trong đó có tình hình các tội XPSH. Việc thực thi pháp luật chưa nghiêm đã tác động đến tâm lý nhiều đối tượng khiến cho họ mạnh dạn hình thành ý định thực hiện phạm tội khi bản thân phát sinh nhu cầu bất chính.

Thứ ba, quản lý văn hóa chưa đáp ứng với tình hình đặt ra. Quá trình hội nhập quốc tế đã đem lại cho nhân dân ta đời sống văn hóa phong phú, nhiều chuẩn mực văn hóa, đạo đức mới được hình thành. Tuy nhiên, cùng với đó là tình trạng phổ biến, tiếp thu thiếu chọn lọc những sản phẩm văn hóa không phù hợp; suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong xã hội có chiều hướng gia tăng; các giá trị đạo đức truyền thống bị xói mòn... Những yếu tố này đã góp phần hình thành ở một bộ phận không nhỏ người dân có tư tưởng háms lợi, tham lam, ích kỷ, coi trọng vật chất, chây lười lao động, sống nhanh, sống gấp, coi thường tài sản, tính mạng của người khác, tham gia vào các hoạt động tệ nạn xã hội... và để có tiền tiêu xài, thỏa mãn sở thích lệch lạc một số đối tượng đã lựa chọn đi vào con đường thỏa mãn nhu cầu bằng cách tiêu cực như trộm cắp tài sản, cướp tài sản, cướp giật tài sản...

Thứ tư, công tác phổ biến pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho người dân còn hạn chế về hiệu quả. Công tác thông tin, phổ biến pháp luật, về cách thức phát hiện và đối phó với các hình thức, thủ đoạn các đối tượng phạm tội XPSH ở các cấp, các ngành cho Nhân dân còn chưa có chiều sâu, nội dung và phương pháp chưa phù hợp nên vẫn còn phần lớn người dân chưa nắm bắt được các quy định của pháp luật, chưa nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc phát hiện, tố giác hành vi phạm tội của các đối tượng phạm tội nói chung, tội phạm XPSH nói riêng.

Thứ năm, công tác quản lý xã hội còn kém hiệu quả. Quản lý Nhà nước kém hiệu quả cần phải được xem xét như là nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm trong đó có tình hình các tội XPSH. Cùng với các yếu tố tiêu cực khác, những hạn chế từ công tác quản lý xã hội cũng là nguyên nhân, điều kiện cho việc phát sinh tình hình tội phạm nói chung và tình hình các tội XPSH nói riêng.

1.2.1.2. Những nguyên nhân và điều kiện chủ quan

Nguyên nhân, điều kiện chủ quan từ phía người phạm tội thuộc quá trình tương tác nhập tâm được hiểu là tất cả những yếu tố thuộc về người phạm tội bao gồm những tiêu cực thuộc ý thức và những biểu hiện tiêu cực trong lối sống cá nhân dẫn đến việc hình thành quá trình động cơ hóa hành vi phạm tội.

Quá trình động cơ hoá hành vi phạm tội diễn ra trong suy nghĩ người phạm tội, còn những động lực của hành vi như nhu cầu, sở thích, lợi ích, thói quen... lại là những yếu tố không phải lúc nào cũng ở trong con người, mà chúng thường do môi trường bên ngoài quy định. Điều đó có nghĩa là, động cơ hoá hành vi là quá trình tâm - sinh lý - xã hội. Quá trình này có cơ sở khách quan do điều kiện xã hội, do hoàn cảnh sống cụ thể của mỗi con người mang lại [36]. Khi tìm hiểu về quá trình này, có thể đưa ra được những nhận định sau:

Thứ nhất, động cơ hóa hành vi phạm tội XPSH chính là đoạn kết của quá trình tương tác nhập tâm, là cái chuẩn bị cho quá trình tương tác xuất tâm;

Thứ hai, khác với nhiều hành vi phạm tội khác, quá trình động cơ hóa hành vi phạm tội XPSH luôn luôn hiện hữu trong mọi trường hợp, mọi vụ án XPSH đã xảy ra. Bởi vì bản thân tên của nhóm tội danh “XPSH” đã khẳng định động lực thúc đẩy thực hiện hành vi là nhu cầu tài sản, mục đích vụ lợi và vì lợi ích kinh tế hoặc mục đích khác nhưng phải xuất phát từ những nguyên nhân trước nó (các hành vi hủy hoại, làm hư hỏng tài sản) dẫn tới việc hình thành quá trình động cơ hóa hành vi phạm tội;

Thứ ba, không phải cứ có nhu cầu về tài sản là đương nhiên thực hiện hành vi XPSH tài sản. Bởi vì nhu cầu về tài sản, bản thân nó là nhu cầu chính đáng, hơn nữa, *nhu cầu cần thiết, chính đáng và phổ biến của con người, được xã hội thừa*

nhận và pháp luật ghi nhận, lại chính là quyền con người [33; tr. 8], nên sai lệch có khả năng dẫn đến các hành vi phạm tội XPSH không thể nằm ở chính bản thân nhu cầu này, mà là ở sự không phù hợp của nhu cầu với hoàn cảnh của chủ thể hành vi.

Dựa vào những nhận định trên, ở đây cần phải phân tích các yếu tố cụ thể có thể được xem là nguyên nhân và điều kiện chủ quan của quá trình này từ như sau:

Một là, do trí tuệ, khả năng nhận thức. Khả năng nhận thức, giải quyết tình huống phụ thuộc vào trí tuệ, sự thông minh của mỗi cá nhân. Trí tuệ hay sự thông minh của mỗi cá nhân cụ thể sẽ có sự khác nhau, điều này tùy thuộc về giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, yếu tố di truyền, môi trường sống... Một người có hiểu biết tốt thì sẽ có khả năng chọn lọc được các yếu tố tích cực để tiếp thu, học hỏi và loại bỏ hay có sức phản kháng lại các yếu tố tiêu cực. Đa số người phạm tội XPSH có trình độ học vấn thấp nên khả năng nhận biết, đánh giá và phân tích các tình huống xảy ra rất hạn chế, cộng thêm sự lười biếng, háms lợi, muốn kiếm tiền một cách nhanh chóng mà không phải bỏ công sức lao động và để thỏa mãn nhu cầu vật chất của bản thân mà các đối tượng đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác.

Hai là, sai lệch về sở thích. Sở thích là những hoạt động cần được thực hiện thường xuyên tạo nên thói quen, đem lại cho con người niềm vui, sự phấn khởi trong cuộc sống. Nếu cá nhân có những sở thích như đọc sách, chơi thể thao, vui chơi lành mạnh thì hình thành ở người đó nhân cách đúng đắn. Ngược lại, cá nhân có sở thích không lành mạnh, tiêu cực như tụ tập ăn chơi, ăn diện, sử dụng các chất kích thích... sẽ hình thành ở cá nhân đó nhân cách lệch lạc như sống thực dụng, coi trọng vật chất, hưởng thụ, sống buông thả, không có hoài bão, coi thường chuẩn mực đạo đức, coi thường pháp luật... Đến một lúc nào đó, gặp những hoàn cảnh, tình huống cụ thể họ sẽ không kiềm chế, kiểm soát được hành vi của mình và lựa chọn cách xử sự không đúng đắn, kể cả xâm phạm đến tài sản, tính mạng, sức khỏe của người khác.

Ba là, sai lệch về nhu cầu tài sản. Nhu cầu về tài sản là nhu cầu chính đáng, tuy nhiên nếu một người có nhu cầu vật chất lớn, vượt quá khả năng đáp ứng của

bản thân, gia đình thì họ rất dễ lựa chọn cách thức thỏa mãn nhu cầu là nảy sinh ý định thực hiện hành vi phạm tội XPSH.

Bốn là, sai lệch trong ý thức pháp luật. Những sai lệch trong ý thức pháp luật cũng có thể là một trong những yếu tố tác động trong cơ chế làm phát sinh tội phạm. Mỗi cá nhân đều có quan điểm, thái độ, nhận thức riêng đối với pháp luật, thực tiễn áp dụng pháp luật, đối với cơ quan bảo vệ pháp luật,... Người có ý định thực hiện hành vi phạm tội XPSH thường không hiểu biết hoặc hiểu biết rất ít, hiểu biết mơ hồ về pháp luật ...

1.2.2. Nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình tương tác xuất tâm

Quá trình tiếp theo của cơ chế hành vi phạm tội đó là quá trình tương tác xuất tâm, gồm khâu kế hoạch hóa và hiện thực hóa hành vi phạm tội.

Kế hoạch hóa hành vi là bước chuẩn bị cho việc thực hiện hành vi. Chủ thể xác định mục đích trực tiếp, đối tượng tác động, phương tiện, địa điểm, thời gian thực hiện, phương thức giải quyết hậu quả mà mình gây ra. Ở bước này, chủ thể chuẩn bị cả điều kiện vật chất và điều kiện tinh thần cho việc thực hiện hành vi. Còn hiện thực hóa hành vi là bước chủ thể trực tiếp thực hiện hành vi bằng các hành động cụ thể. Những yếu tố thuộc nguyên nhân và điều kiện tác động đến bước chuẩn bị và thực hiện hành vi của quá trình tương tác xuất tâm được phân loại dựa trên việc lấy chủ thể thực hiện hành vi phạm tội làm trung tâm như sau:

- Nguyên nhân và điều kiện chủ quan:

Yếu tố được xem là nguyên nhân, điều kiện chủ quan của quá trình tương tác xuất tâm đó là xuất phát từ sự kiên quyết của chủ thể hành vi phạm tội. Từ những yếu tố tiêu cực của môi trường sống (S) đã chuyển thành các yếu tố tiêu cực của chủ thể hành vi phạm tội (X). Khi đó, chủ thể hành vi phạm tội XPSH thường có nhu cầu về vật chất cao hơn khả năng vốn có của bản thân, xem thường quyền sở hữu của người khác, thích ăn chơi, lười lao động; xem thường pháp luật, hạn chế về khả năng nhận thức, khả năng kiềm chế hành vi...dẫn tới việc quyết tâm thực hiện hành vi phạm tội.

- Nguyên nhân và điều kiện khách quan:

-*Thứ nhất*, nguyên nhân xuất phát từ nạn nhân của các tội phạm XPSH. Trong những điều kiện không gian và thời gian nhất định và trong các mối quan hệ nhất định với những người có khả năng phạm tội, những lối sống và thói quen nhất định là những yếu tố quan trọng có thể làm tăng khả năng trở thành nạn nhân của tội phạm.

Thứ hai, sự yếu kém của các cơ quan chức năng trong việc phát hiện và ngăn chặn tội phạm. Các cơ quan bảo vệ pháp luật, nhất là cơ quan Công an. Cơ quan Công an có trách nhiệm tiếp nhận các tin báo tố giác về tội phạm, điều tra làm rõ các tình tiết của vụ án nhằm xử lý nghiêm minh, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên trong thực tế, vì nhiều nguyên nhân, việc tiếp nhận tin báo, điều tra làm rõ các tình tiết của vụ án chưa được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả điều này làm giảm sự nghiêm minh của pháp luật, khiến cho quần chúng nhân dân mất niềm tin vào các cơ quan bảo vệ pháp luật, các đối tượng xấu có tâm lý coi thường pháp luật... yếu tố này đã tác động khiến cho tình hình các tội XPSH diễn biến theo chiều hướng tiêu cực hơn.

Thứ ba, sự thờ ơ của xã hội. Nguyên nhân, điều kiện này được hiểu là tính tích cực của người dân, việc xác định trách nhiệm của bản thân đối với xã hội còn thấp hoặc không có. Điều này được thể hiện qua lối sống chỉ biết sống cho riêng mình, sợ va chạm, theo chủ nghĩa cá nhân, “đèn nhà ai nấy sáng”... đã tạo điều kiện cho những cái xấu, các băng nhóm có cơ hội nổi lên để thực hiện hành vi phạm tội XPSH.

Thứ tư, các nguyên nhân, điều kiện khách quan khác bên ngoài môi trường sống làm phát sinh các tội XPSH. Thời gian và địa điểm là hai yếu tố có ý nghĩa quan trọng trong nhiều trường hợp. Chẳng hạn như: các tội trộm cắp tài sản thường diễn ra vào ban đêm hay buổi trưa vắng vẻ; các đối tượng thực hiện hành vi cướp, cướp giật tài sản thường chọn những khu vực ít người qua lại... Yếu tố nghề nghiệp cũng đóng vai trò quan trọng trong quá trình nạn nhân hóa nhóm tội này. Những người hành nghề lái xe ôm, taxi; kinh doanh vàng, bạc; kinh doanh hàng hóa đắt tiền... thường là mục tiêu nhắm đến của nhóm tội XPSH.

Kết luận chương 1

Chương 1 của luận văn tập trung làm rõ những vấn đề lý luận chung về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH. Trên cơ sở nghiên cứu, tác giả đã tập trung phân tích làm rõ các nội dung sau: *Một là*, khái niệm về nguyên nhân điều kiện của tình hình các tội XPSH - Đây là cơ sở lý luận đầu tiên cho việc xác định cách tiếp cận đề tài luận văn; *Hai là*, ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH – Nội dung làm rõ sự cần thiết phải nghiên cứu vấn đề này trong cả lý luận và thực tiễn phòng ngừa tội phạm XPSH; *Ba là*, phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH – Việc phân loại cũng chỉ ở mức độ tương đối tuy nhiên điều này tạo thuận lợi có việc nhận thức chúng về mặt khoa học và mặt thực tiễn khi nghiên cứu nó và các đề tài, lĩnh vực khác có liên quan.

Dựa trên những phân tích ở Chương 1, xét thấy khi nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015 trên cơ sở cơ chế hành vi phạm tội (S-X-R) cần nhận thức rằng, cơ chế này bao hàm cơ sở để thiết kế cả hai phần của hệ thống các biện pháp phòng ngừa tội phạm: Nếu quá trình động cơ hóa hành vi cung cấp cơ sở cho việc thiết kế hệ thống các biện pháp đẩy lùi tội phạm, thì quá trình kế hoạch hóa và hiện thực hóa hành vi vừa tạo nên tình hình tội phạm, vừa cung cấp cơ sở cho các biện pháp ngăn chặn tội phạm.

Những nội dung được trình bày ở chương này là tiền đề lý luận cho việc nghiên cứu nội dung của chương 2, chương 3 của luận văn

Chương 2

THỰC TRẠNG NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

2.1. Thực trạng nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011-2015

Thực trạng nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm được làm rõ trên cơ sở nghiên cứu, tìm hiểu về tình hình tội phạm. Thực chất của vấn đề nhận thức này là đi tìm quy luật của sự phạm tội – một đối tượng nghiên cứu của tội phạm học và nó chỉ có thể được nhận thức thông qua tình hình tội phạm với tính cách là khách thể nghiên cứu [24]. Như vậy, tình hình tội phạm XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương chính là cơ sở đầu tiên để nhận thức về nguyên nhân và điều kiện phát sinh ra nó. Cơ sở thứ hai để đánh giá thực trạng nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm cần nói đến là: Văn bản pháp luật; văn bản chỉ đạo của Đảng và triển khai của chính quyền; các luận văn, luận án và các bài viết đã công bố; kết quả nghiên cứu điều tra xã hội học đã được tiến hành và công bố; thực tiễn hoạt động của các chủ thể phòng, chống tội phạm.

Trên cơ sở lý luận trên, để đánh giá thực trạng nhận thức về nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương, đề tài tập trung làm rõ các vấn đề sau:

Một là, làm rõ thực trạng nhận thức về nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương thông qua tình hình các tội này diễn ra trên địa bàn tỉnh. Điều này có nghĩa là phải xác định thực trạng nhận thức nguyên nhân, điều kiện này thông qua các đặc điểm định lượng, đặc điểm định tính của tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011-2015 và đặc điểm nhân thân người phạm tội tạo nên tình hình tội phạm này. Chất liệu nghiên cứu được sử dụng ở đây bao gồm số liệu thống kê của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân hai cấp cùng với 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương thời gian từ năm 2011 đến năm 2015;

Hai là, làm rõ thực trạng nhận thức về nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương thông qua văn bản chỉ đạo của Đảng và triển khai của chính quyền tỉnh nhà.

2.1.1. Nhận thức thông qua các đặc điểm định lượng của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011-2015

Đặc điểm định lượng ở đây được hiểu là mức độ của tình hình tội phạm XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương được biểu thị thông qua hai thông số là tình trạng và diễn biến của tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011-2015.

2.1.1.1. Mức độ tổng quan

Mức độ của tình hình tội XPSH từ thực tiễn tỉnh Bình Dương trong giai đoạn từ năm 2011 đến 2015 được nhận thức thông qua các số liệu phản ánh tổng số các tội XPSH đã xảy ra và số lượng người thực hiện hành vi phạm tội XPSH trên địa bàn tỉnh trong thời gian này. Để đánh giá được chính xác mức độ của tình hình tội XPSH đã xảy ra cần phải xem xét cả hai phần sau:

Một là, số lượng các tội XPSH và người phạm tội XPSH đã bị xét xử bằng một bản án kết tội của Tòa án có trong thống kê hình sự (được gọi là tội phạm rõ).

Hai là, số lượng các tội XPSH đã xảy ra mà chưa bị phát hiện, chưa bị xử lý về hình sự, chưa có trong thống kê hình sự (được gọi là tội phạm ẩn).

Trong phạm vi nghiên cứu đề tài, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu nhận thức về mức độ tổng quan của tình hình tội XPSH theo số liệu thống kê xét xử hình sự sơ thẩm của Tòa án mà không đề cập đến tội phạm ẩn trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Để đáp ứng yêu cầu của tội phạm học, mức độ tổng quan phải được làm rõ bằng hai loại số liệu: tuyệt đối và tương đối.

a) Mức độ tổng quan tuyệt đối (Xem Bảng 2.1 và Bảng 2.2– Phần phụ lục)

Bảng 2.1 cho thấy, trong thời gian 5 năm, từ 2011 đến 2015, trên địa bàn tỉnh Bình Dương có tổng cộng 4474 vụ với 8077 bị cáo được đưa ra xét xử về các tội XPSH, trung bình 894,8 vụ/năm và 1.615,4 bị cáo/năm. Trong đó, xảy ra nhiều nhất là năm 2015 (983 vụ, 1.809 bị cáo), kế đến là năm 2014 (979 vụ, 1.775 bị cáo), các

năm còn lại gồm: 2011 (811 vụ, 1.443 bị cáo), 2012 (823 vụ, 1.494 bị cáo), 2013 (878 vụ, 1.556 bị cáo). Đây là con số rất đáng báo động, các loại tội XPSH xảy ra nhiều, thường xuyên, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây tâm lý hoang mang, làm giảm lòng tin của nhân dân vào sự quản lý của Nhà nước và tác động không nhỏ đến sự ổn định xã hội.

b) Mức độ tổng quan tương đối (Xem Bảng 2.1 và Bảng 2.3– Phần phụ lục)

Mức độ này được thể hiện ở các chỉ số khái quát của tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương, gồm : tỷ lệ tội phạm và cơ sở tội phạm.

Tỷ lệ tội phạm trong phạm vi nghiên cứu của đề tài này là tỷ lệ các tội XPSH đối với tình hình tội phạm nói chung trên địa bàn tỉnh Bình Dương theo từng giai đoạn. Số liệu này được thống kê theo số vụ là 46,55% còn theo số bị cáo là 42,85%). Số liệu này cho ta thấy tội phạm XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương diễn ra khá phổ biến (chiếm gần một nửa số vụ án đã được xét xử).

Mức độ tổng quan tương đối của tình hình tội XPSH còn được thể hiện qua cơ sở tội phạm: Đó là chỉ số khái quát nhất về mức độ của tình hình tội phạm đối với một đơn vị hành chính - lãnh thổ (tỉnh Bình Dương) trong một đơn vị thời gian là một năm và được tính bằng số bị cáo (đã xét xử) trên 100.000 dân, được thể hiện ở số liệu trong bảng 2.3 – phần phụ lục.

Trên cơ sở nghiên cứu số liệu thống kê các bị cáo đã bị Tòa án xét xử về các tội XPSH và số liệu thống kê dân số (gồm những người có đăng ký hộ khẩu thường trú và đăng ký tạm trú) trên địa bàn tỉnh Bình Dương cho thấy trong thời gian từ năm 2011 - 2015 trung bình 100.000 người dân ở tỉnh Bình Dương có 90,17 người phạm tội XPSH, so với số lượng người phạm tội khác thì số lượng người phạm tội XPSH cao hơn nhiều (90,17/210,43) và có thể thấy số lượng bị cáo phạm tội XPSH diễn biến theo xu hướng tăng dần qua mỗi năm. Tuy nhiên, cũng cần nói rõ rằng, do là tỉnh công nghiệp với đặc thù là lượng người nhập cư về đây hàng năm rất lớn, cho nên có trường hợp người phạm tội XPSH là người không có đăng ký hộ khẩu thường trú và tạm trú ở tỉnh mà từ nơi khác đến thực hiện hành vi phạm tội thậm chí có trường hợp sống lang thang.

2.1.1.2. Mức độ hành vi (Xem Bảng 2.4– Phần Phụ lục)

Thực tế nghiên cứu các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương cho thấy, trong 13 tội danh cần phải nghiên cứu thì chỉ có 11 tội danh, cơ cấu của từng loại tội XPSH trong mối quan hệ với các tội XPSH tại tỉnh Bình Dương, gồm các tội: Tội cướp tài sản (Điều 133), Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 134), Tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 135), Tội cướp giết tài sản (Điều 136), Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 137), Tội trộm cắp tài sản (Điều 138), Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139), Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 140), Tội chiếm giữ trái phép tài sản (Điều 141), Tội sử dụng trái phép tài sản (Điều 142), Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 143), Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước (Điều 144), Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản (Điều 145).

Qua số liệu trong bảng tại Bảng 2.4 - phần phụ lục cho thấy, trong cơ cấu các loại tội xâm sở hữu thì tội trộm cắp tài sản chiếm tỉ lệ cao nhất (59,66%), kế đến là tội cướp tài sản (11,24%), tội cướp giết tài sản (8,38%), tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (7,24%), tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (5,07%), tội cưỡng đoạt tài sản (3,64%), tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (2,22%), tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (2,19%); các tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, tội chiếm giữ trái phép tài sản, tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản xảy ra rất ít; còn các tội sử dụng trái phép tài sản, tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước không xảy ra. Điều này thể hiện các loại tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương xảy ra khá phổ biến và nghiêm trọng, có chiều hướng ngày càng tăng, đặc biệt là các tội trộm cắp tài sản, cướp tài sản. Vì vậy, có thể khẳng định rằng để phòng ngừa có hiệu quả với tình hình tội XPSH ở tỉnh Bình Dương cần tập trung trước hết vào việc tìm ra nguyên nhân, điều kiện của tội trộm cắp tài sản kể đến là tội cướp tài sản để đề ra và tiến hành các biện pháp phòng ngừa phù hợp.

Đối với tội công nhiên chiếm đoạt tài sản, năm 2011 và năm 2012 không xảy ra, năm 2013 có 01 vụ nhưng năm 2014 có 56 vụ và năm 2015 có 41 vụ. Đây cũng là một trong những số liệu thể hiện đúng tình hình ANTT trên địa bàn tỉnh Bình

Dương xảy ra vào tháng 5 năm 2014, khi đoàn người tuần hành phản đối Trung Quốc hạ đặt trái phép giàn khoan Hải Dương 981 trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam, nhiều đối tượng đã kích động, lôi kéo những người khác đốt, đập phá công ty, nhà xưởng và lấy tài sản trong các khu công nghiệp. Diễn hình như vụ án do Lê Văn Rô Y thực hiện: Khoảng 18 giờ ngày 13/5/2014, Y điều khiển xe mô tô vào khu công nghiệp Việt Nam – Singapore tại thị xã Thuận An để xem đoàn người tập trung xuống đường tuần hành phản đối Trung Quốc hạ đặt giàn khoan Hải Dương trái phép trên vùng biển Việt Nam. Khi đi đến trước cổng Công ty Trách nhiệm hữu hạn Esquel Garment Manufactunring Việt Nam, có một đối tượng (không rõ lai lịch) chiếm đoạt 03 thùng carton đựng tài sản đưa ra ngoài công ty và nhờ Y chở đi rồi sẽ chia cho một phần hoặc cho tiền xăng, Y đồng ý. Khi cả hai chở 03 thùng đến cổng khu công nghiệp Việt Nam – Singapore thì Y bị bắt giữ, riêng đối tượng trên chạy thoát. Hội đồng định giá xác định 03 thùng carton có 116 áo thun có giá trị 82.600.000 đồng. Sau đó, Y bị khởi tố về hành vi công nhiên chiếm đoạt tài sản

2.1.1.3. Diễn biến của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011-2015 (Xem Bảng 2.5– Phần Phụ lục)

Diễn biến của tình hình tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương là sự phản ánh xu hướng tăng, giảm hoặc ổn định tương đối của tình hình tội XPSH của tỉnh trong thời gian từ năm 2011 đến 2015

Diễn biến tình hình các tội XPSH địa bàn tỉnh Bình Dương (2011-2015) được biểu diễn qua phương pháp so sánh định gốc.

Tại bảng 2.5, nếu lấy năm 2011 là năm gốc để so sánh với các năm còn lại thì số vụ án và số bị cáo diễn biến theo xu hướng tăng, các năm 2012, 2013 đều tăng so với năm 2011 nhưng số lượng tăng không đáng kể (2012 tăng 1,48% về số vụ, số bị cáo tăng 3,53% số bị cáo và năm 2013 tăng 8,26% số vụ, 7,83% số bị cáo). Điều đáng chú ý là năm 2014 và năm 2015 số vụ án và số bị cáo tăng rất nhiều so với năm 2011 (năm 2014 tăng lên 20,72% số vụ, 23% số bị cáo và năm 2015 tăng 21,2% số vụ, 25,36% số bị cáo). Trong khi tình hình các tội XPSH của cả nước ở

cùng thời điểm lại có xu hướng giảm (xem Bảng 2.6 - phần phụ lục). Điều đó chứng tỏ tình hình tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương có xu hướng tăng cả về số vụ lẫn số bị cáo. Có thể nhận xét rằng các biện pháp phòng ngừa các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011-2015 chưa đạt được hiệu quả tốt.

2.1.2. Nhận thức thông qua các đặc điểm định tính của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011-2015

Đặc điểm định tính của tình hình tội phạm chính là cơ sở để nhận biết tình hình tội phạm về mặt tính chất của nó. Đặc điểm định tính của tình hình tội phạm là một hệ thống mở, tức là càng khai thác được nhiều đặc điểm bao nhiêu (nhiều cơ cấu và tương quan bao nhiêu) thì tính chất của tình hình tội phạm càng được làm rõ bấy nhiêu [22, tr.28]. Trong phạm vi đề tài, tác giả tập trung làm rõ các nội dung sau:

2.1.2.1. Cơ cấu theo đơn vị hành chính cấp huyện của tỉnh Bình Dương (Xem Bảng 2.7 và Bảng 2.8– Phần phụ lục)

Cơ cấu của tình hình tội XPSH ở tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011 – 2015 xét theo đơn vị hành chính cấp huyện trên cơ sở cơ số tội phạm và mật độ tội phạm, được thể hiện trong bảng tại Bảng 2.7 – phần phụ lục.

Trong bảng 2.7 thể hiện thông kê 09 huyện, thị, thành phố, tuy nhiên huyện Bàu Bàng và huyện Bắc Tân Uyên mới được thành lập ngày 01/4/2014, số lượng vụ án và số lượng bị cáo phạm tội XPSH rất ít (chỉ có số liệu thống kê 8 tháng của năm 2014 và năm 2015), nên khi so sánh, đánh giá tình hình tội XPSH được tính toán trên cơ sở số dân và diện tích, tác giả sẽ không đề cập đến hai huyện này.

Theo bảng 2.7 thể hiện, cột dọc cuối cùng bên phải là số dân trên 1 bị cáo. Con số này càng nhỏ thì mức độ phạm tội XPSH ở địa bàn đó càng cao. Theo đó, trong giai đoạn 2011 đến 2015, thị xã Dĩ An có mức độ phạm tội XPSH cao nhất, cứ 152,220 người dân thì có một người bị xét xử về các loại tội XPSH. Huyện Phú Giáo có mức độ phạm tội XPSH thấp nhất, cứ 349,086 người dân thì có 01 người bị xét xử về các loại tội XPSH. Trên địa bàn toàn tỉnh Bình Dương trung bình cứ 230,496 người dân thì có một người bị đưa ra xét xử về các loại tội XPSH.

Tuy nhiên, nếu xét theo diện tích của từng khu vực thì thị xã Dĩ An là địa bàn có mật độ tội phạm XPSH cao nhất là 38,8323 bị cáo/km², huyện Dầu Tiếng là địa bàn có mật độ tội phạm XPSH thấp nhất với 0,4672 bị cáo/km² và trung bình toàn tỉnh, mật độ các loại tội XPSH là 2,9977 bị cáo/km².

Để có cơ sở cho việc đánh giá tình hình tội XPSH ở 09 địa bàn cấp huyện, thị, thành phố ở tỉnh Bình Dương ta có thể xem Bảng 2.8 – phần phụ lục. Số liệu trong bảng cho thấy, cột dọc thứ (3) là ngôi thứ của từng địa danh tương ứng trong bảng 2.7. Cột dọc thứ (4) là tổng của cột dọc thứ (3). Cột dọc thứ (5) được hình thành trên cơ sở của hệ số tiêu cực và hệ số này càng nhỏ thì cấp độ nguy hiểm càng cao. Theo đó, thị xã Dĩ An có hệ số tiêu cực nhỏ nhất nên cấp độ nguy hiểm ở đây là cao nhất. Kế đến là thị xã Thuận An, thị xã Bến Cát và cấp độ nguy hiểm thấp nhất là huyện Dầu Tiếng, huyện Phú Giáo.

Từ sự phân tích trên cho ta thấy các loại tội XPSH xảy ra ở khắp các địa bàn của tỉnh Bình Dương nhưng tập trung cao là ở các địa bàn dân cư đông đúc, có nhiều dân nhập cư, nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất như thị xã Dĩ An, thị xã Thuận An và thị xã Bến Cát. Vì vậy, công tác phòng ngừa tình hình tội phạm về XPSH phải được tiến hành chủ yếu và tập trung vào những địa bàn có khả năng xảy ra nhiều nhất là thị xã Dĩ An, thị xã Thuận An và thị xã Bến Cát.

2.1.2.2. Cơ cấu theo phương thức thực hiện tội phạm (phương thức gây án)

Để làm rõ cơ cấu quan trọng và mang tính quyết định này, tác giả đã sử dụng 100 bản án sơ thẩm hình sự được chọn ngẫu nhiên, phân tích theo các tiêu chí chung của khái niệm “phương thức thực hiện tội phạm”. Mô hình đầy đủ của một hành vi phạm tội có ý bao gồm ba bước: Bước 1 là chuẩn bị, bước 2 là thực hiện, bước 3 là che giấu hành vi phạm tội [31; 40]. Qua nghiên cứu 100 bản án với 178 bị cáo thì thấy hành vi phạm tội được thực hiện qua các cơ cấu sau:

Qua bảng 2.9 ta thấy số vụ án tội phạm thực hiện chỉ có một bước là 07 vụ với 15 bị cáo chiếm tỷ lệ 7% tổng số vụ và chiếm tỷ lệ 8,42% tổng số bị cáo. Số vụ án tội phạm thực hiện hai bước là 68 vụ với 121 bị cáo chiếm tỷ lệ 68% tổng số vụ và chiếm tỷ lệ 67,98% tổng số bị cáo. Số vụ án tội phạm thực hiện ba bước là 25 vụ và

42 bị cáo chiếm tỷ lệ 25% tổng số vụ và chiếm tỷ lệ 23,6% tổng số bị cáo. Như vậy, các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015 được thực hiện chủ yếu chỉ qua hai bước tức là chỉ có chuẩn bị và thực hiện, hoặc thực hiện và che giấu. Số vụ án tội phạm thực hiện một bước, ba bước chiếm tỷ lệ thấp trong tổng số vụ và số bị cáo được nghiên cứu. Một cách nhận xét bản chất hơn đó là, có thể nhận xét rằng các hành vi phạm tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015 chủ yếu là những hành vi có sự chuẩn bị cẩn thận, thực hiện mang tính chất có chủ đích hoặc thực hiện và che giấu hành vi phạm tội.

a) Công cụ gây án(Xem Bảng 2.10– Phần Phụ lục)

Xét theo công cụ gây án ở bảng 2.10 cho thấy các vụ án trộm cắp tài sản đối tượng chủ yếu dùng các công cụ: các loại mẫu chìa khoá, vạm phá khoá, tuốt nơ vít, dụng cụ tự chế chiếm tỷ lệ 35% số vụ ; kim cộng lực chiếm tỷ lệ 2% số vụ; các loại vật cứng như búa, đục, mỏ lết, kéo, thanh sắt, xà beng chiếm tỷ lệ 29% số vụ; không dùng công cụ chiếm tỷ lệ 9%. Các vụ án cướp, cướp giật tài sản gây án với công cụ là dao, kiếm, mã tấu, búa, chai lọ thủy tinh...chiếm tỷ lệ 18% số vụ phạm tội XPSH. Các tội danh XPSH khác sử dụng các loại công cụ khác để phạm tội chiếm tỷ lệ 16 % số vụ.

Qua bảng 2.10 cho thấy việc các đối tượng sử dụng các loại công cụ, vũ khí “nóng” (dao, kiếm, mã tấu...) để phạm tội ngày càng phổ biến. Điều này phần nào phản ánh tính chất manh động, liều lĩnh, táo bạo và có sự chuẩn bị trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội của các đối tượng.

b) Thời gian gây án(Xem Bảng 2.11– Phần Phụ lục)

Tại bảng 2.11 cho thấy tỉ lệ hành vi XPSH đã diễn ra trong các khung giờ của ngày (24 giờ). Đánh giá qua bảng 2.11 ta thấy được thời gian từ sau 00 giờ đến 06 giờ chiếm tỷ lệ 32% tổng số vụ; thời gian từ sau 12 giờ đến 18 giờ chiếm tỷ lệ 31% tổng số vụ; thời gian từ sau 18 giờ đến 00 giờ chiếm tỷ lệ 29% tổng số vụ. Chỉ có thời gian từ 06 giờ đến 12 giờ chiếm tỷ lệ thấp nhất với 8% tổng số vụ. Như vậy, thời gian gây án của các đối tượng trong các vụ án XPSH xảy ra nhiều nhất vào khoảng thời gian nghỉ ngơi sau ngày làm việc, thường có các hoạt động đi lại giao

lưu, ăn uống, nên thường thiếu cảnh giác trong việc bảo quản tài sản đây cũng là thời điểm thuận lợi mà thủ phạm thường chọn để thực hiện cũng như dễ dàng trốn thoát sau khi gây án.

c) Địa điểm gây án (Xem Bảng 2.12– Phần Phụ lục)

Theo các tiêu chí cụ thể về địa điểm do đề tài định ra và nghiên cứu trong số bản án đã thu thập. Kết quả nghiên cứu được mô tả ở Bảng 2.11 cho thấy, trên tổng số 100 vụ có 69 vụ xảy ra tại nhà bị hại và 17 vụ xảy ra tại trên đoạn đường vắng. Điều này cũng đồng nghĩa với việc tội phạm trộm cắp tài sản và cướp giật tài sản, cướp tài sản xảy ra nhiều so với các loại tội phạm XPSH khác. Các địa điểm khác như tại nhà người quen và tại nhà bị cáo có sự chênh lệch thấp về tỷ lệ.

Diễn hình vụ XPSH tại nhà bị hại: Khoảng 09 giờ 05 phút ngày 18/10/2014, Nguyễn Thị Thùy Trang (1995) ngụ khu phố 2, thị trấn Mỹ Phước, thị xã Bến Cát chở con 03 tuổi đến nhà chị họ tên là Nguyễn Kiều Linh (1974) ngụ khu phố 5, phường Tân Định, thị xã Bến Cát chơi. Lợi dụng lúc chị Kiều Linh nấu ăn, Trang lén lấy trộm chiếc đồng hồ hiệu Rolex (được định giá 124 triệu) của chị Linh để trên bàn. Linh thừa nhận do đánh bạc thua, không dám nói với gia đình, thấy chị Linh sơ hở để đồng hồ trên bàn nên lấy bán trả nợ...[42]

d) Phương tiện gây án (Xem Bảng 2.13– Phần Phụ lục)

Qua kết quả nghiên cứu 100 bản án tại bảng 2.13 cho thấy, khi thực hiện hành vi phạm tội XPSH đối tượng thường dùng xe mô tô, xe gắn máy chiếm tỷ lệ 42% số vụ. Phương tiện xe mô tô, xe gắn máy mà đối tượng dùng để trộm cắp, cướp tài sản và cướp giật tài sản thường sử dụng là những loại xe máy có phân khối lớn 100cc trở lên như các loại xe hiệu Dream II, Nouvo, Exciter,...đã được đôn nòng, tháo biển số, biển số giả, làm mờ biển số; cách thức đi bộ đột nhập trộm cắp chiếm tỷ lệ 33% số vụ. Các đối tượng phạm tội chiếm đoạt tài sản có thể sử dụng những phương tiện công nghệ cao để thực hiện tội phạm và che giấu hành vi phạm tội chiếm tỷ lệ 14% số vụ. Sử dụng những phương tiện gây án khác chiếm tỷ lệ 11% số vụ phạm tội XPSH.

e) Thiệt hại do tội phạm gây ra (Xem Bảng 2.14– Phần phụ lục)

Dựa vào chất liệu nghiên cứu – 100 bản án sơ thẩm, mức độ thiệt hại do các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương có thể được đánh giá theo những tiêu chí: thiệt hại về kinh tế, gây thương tích, gây tử vong. Số liệu thể hiện ở bảng 2.14 cho thấy, thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra đối với nạn nhân là thiệt hại về kinh tế chiếm tỷ lệ cao nhất với 81% tổng số vụ, kế đến là gây thương tích cho nạn nhân chiếm tỷ lệ 17% tổng số vụ. Qua đây có thể đưa ra nhận định rằng tội phạm chủ yếu nhằm vào tài sản của nạn nhân.

2.1.2.3. Cơ cấu theo chế tài đã áp dụng (Xem Bảng 2.15– Phần phụ lục)

Cơ cấu này là cơ sở để nhận xét về tính chất của tình hình tội phạm và nó được xác định trên cơ sở số liệu thống kê thường xuyên của Tòa án.

Tại bảng 2.15 có thể nhận thấy hình phạt tù mức án dưới 03 năm tù có tỷ lệ cao nhất với 57,3% trên tổng số bị cáo. Hình phạt án treo, cải tạo không giam giữ chiếm tỷ lệ là 20,78%. Hình phạt từ 03 năm đến dưới 07 năm tù chiếm tỷ lệ 12,92%. Các mức hình phạt vừa nêu nhìn chung tương xứng với hành vi phạm tội ít nghiêm trọng và nghiêm trọng, do hành vi XPSH chủ yếu đối tượng hướng đến là tài sản. Hình phạt chính được Tòa án áp dụng khi xét xử là hình phạt tù, còn hình thức phạt tiền, cải tạo không giam giữ tuy có được áp dụng nhưng chiếm tỷ lệ rất ít. Mức phạt tù từ 7 năm đến 15 năm chiếm tỷ lệ thấp 5,05% chủ yếu do bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và đã có khắc phục hậu quả.

2.1.3. Nhận thức thông qua các đặc điểm nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011-2015

Nghiên cứu làm rõ đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH, giúp xác định nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội XPSH (nguyên nhân từ phía người phạm tội và nguyên nhân từ phía xã hội). Việc nhận thức, phân tích các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội XPSH không thể thiếu việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội XPSH, bản chất, các đặc điểm và quá trình hình thành nó. Nhân thân người phạm tội XPSH với tổng thể các đặc điểm có tác động chi phối hành vi phạm tội và cũng chính là kết quả của sự tác động qua lại giữa người phạm tội và môi

trường xã hội của người phạm tội XPSH. Nghiên cứu cụ thể về các đặc điểm và những yếu tố tác động đến quá trình hình thành các đặc điểm tiêu cực của nhân thân người phạm tội XPSH sẽ cho thấy rõ những nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh hành vi phạm tội XPSH, trên cơ sở đó đề ra biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm, giáo dục cải tạo người phạm tội và ngăn ngừa tái phạm.

2.1.3.1. Đặc điểm tự nhiên

a) Tuổi (Xem bảng 2.16 – Phần phụ lục)

Số liệu trong bảng 2.16 cho thấy, phần lớn các đối tượng phạm tội XPSH đa số ở độ tuổi đã thành niên, trong đó độ tuổi từ 18 đến 30 chiếm tỷ lệ cao nhất 51,68%, kế đến là độ tuổi từ 30 trở lên chiếm 17,98%, người phạm tội XPSH có độ tuổi dưới 18 chiếm tỷ lệ 17,41%. Độ tuổi từ 45 tuổi đến 60 tuổi và trên 60 tuổi chiếm tỷ lệ rất thấp, lần lượt là 11,8% và 1,13%.

b) Giới tính (Xem bảng 2.17– Phần phụ lục)

Về giới tính, trong tổng số 178 bị cáo thì có đến 142 bị cáo là nam giới chiếm tỷ lệ 79,78% tổng số bị cáo. Nữ giới chỉ chiếm tỷ lệ 20,22% tổng số bị cáo (đồng phạm về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản) 16,03%. Như vậy, đối tượng thực hiện hành vi XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015 đa số là nam giới.

d) Nơi ở (Xem bảng 2.18– Phần phụ lục)

Trong bảng 2.18 thể hiện, số lượng bị cáo là dân nhập cư chiếm tỉ lệ rất lớn (135/178 bị cáo chiếm 75,85%) và trong số 135 bị cáo này thì có tới 126 bị cáo là người tạm trú (chiếm 60,79%). Số lượng bị cáo có hộ khẩu thường trú tại Bình Dương thấp (43/178 bị cáo chiếm 24,15%). Điều này phản ánh đúng với điều kiện xã hội trên địa bàn tỉnh.

2.1.3.2. Đặc điểm xã hội

a) Học vấn (Xem bảng 2.19– Phần phụ lục)

Đây là cơ cấu thể hiện khả năng nhận thức và khả năng hiểu biết pháp luật của người phạm tội. Tại Bảng 2.19 thể hiện, trong số 178 bị cáo phạm tội XPSH thì chỉ có 02 bị cáo có trình độ trung cấp trở lên (chiếm 1,1%); 27 bị cáo có trình độ trung

học phổ thông (chiếm 15,19%) và 141 bị cáo có trình độ tiểu học, trung học cơ sở (chiếm 79,21%), 8 bị cáo không biết chữ (chiếm 4,5%).

b) Việc làm (Xem bảng 2.20– Phần phụ lục)

Đây là cơ cấu mà qua đó có thể đánh giá về tính chất của công việc, kinh tế của người phạm tội có ảnh hưởng ra sao đến hành vi phạm tội. Bảng 2.20 thể hiện, phần lớn các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định 107/178 bị cáo chiếm 60,11%, chủ yếu là làm thuê (bảo vệ, thợ hồ, thợ sơn ...) với mức thu nhập thấp. Số bị cáo không nghề nghiệp cũng chiếm tỉ lệ tương đối cao 62/178 bị cáo chiếm 34,83%. Số bị cáo có nghề nghiệp ổn định chiếm tỉ lệ rất ít 09/178 bị cáo chiếm 5,06% tổng số bị cáo phạm các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015

c) Hoàn cảnh gia đình (Xem bảng 2.22– Phần phụ lục)

Qua bảng 2.22 ta nhận thấy số người phạm tội sinh sống trong gia đình hoàn thiện có 72/178 người chiếm 40,44%; số người phạm tội sinh sống trong gia đình không hoàn thiện (cha mẹ ly hôn, cha hoặc mẹ mất hoặc cả hai mất, cha hoặc mẹ bỏ đi, không biết cha mẹ) có 106/178 người chiếm 59,56%;

Số liệu thống kê cũng cho thấy về hoàn cảnh kinh tế gia đình của người phạm tội: Người phạm tội có hoàn cảnh kinh tế gia đình thuận lợi có 21 người chiếm 11,8%; người phạm tội có hoàn cảnh kinh tế gia đình không thuận lợi có 157 người chiếm 88,2%. Hầu hết người phạm tội về XPSH đều do người sống trong gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Số lượng người sống trong gia đình có kinh tế thuận lợi phạm tội về XPSH rất ít. Như vậy, có thể đưa ra nhận xét là hoàn cảnh kinh tế là một trong những yếu tố tác động đối với việc hình thành động cơ, mục đích phạm tội.

d) Tình trạng hôn nhân (Xem bảng 2.23– Phần phụ lục)

Số bị cáo đã kết hôn là 82/178 bị cáo, chiếm tỷ lệ 46,07%. Số bị cáo chưa kết hôn có 96 bị cáo, chiếm tỷ lệ 53,93%. Như vậy, nghiên cứu đã chỉ ra ở người phạm các tội XPSH thuộc diện chưa kết hôn nhiều hơn số bị cáo đã kết hôn cho ta thấy

được tình trạng hôn nhân cũng là một trong những yếu tố tác động đến tình hình các tội XPSH.

2.1.3.3. Đặc điểm về hành vi phạm tội

Khi nói đến đặc điểm hành vi tội phạm tức là nói đến phương thức thực hiện hành vi, động cơ và mục đích của tội phạm... các đặc điểm này đã được mô tả ở phần "*nhận thức thông qua đặc điểm định tính của tình hình tội phạm*". Tuy nhiên, để nhận thức nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình tương tác nhập tâm thông qua đặc điểm nhân thân của tình hình tội phạm thì nội dung đặc điểm hành vi cần làm rõ thêm bao gồm:

a) Đặc điểm tiền án, tiền sự (Xem bảng 2.24– Phần phụ lục)

Người có tiền án, tiền sự là các khái niệm tồn tại trong tội phạm học, dùng để chỉ những người đã bị kết án, đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử lý hành chính về những hành vi được quy định trong Bộ luật hình sự (kể cả những người đã được xóa án tích). Đặc điểm này cho chúng ta nhận thức được hiệu quả của việc ngăn chặn sự lặp lại của hành vi phạm tội đối với những người đã chấp hành xong hình phạt.

Tại bảng 2.14 cho thấy: Người phạm tội có tiền án, tiền sự là 68/178 người chiếm 38,2%; người phạm tội chưa có tiền án, tiền sự 110 người chiếm 61,8%. Số người phạm tội XPSH có tiền án, tiền sự tương đối cao. Cho thấy rằng công tác tái hòa nhập cộng đồng đạt hiệu quả chưa cao.

b) Tái phạm, tái phạm nguy hiểm (Xem bảng 2.25– Phần phụ lục)

Trong số người phạm các tội XPSH có tiền án trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015 thì có 26 người được xóa án tích, tái phạm 15 người, tái phạm nguy hiểm 03 người, số bị cáo tái phạm và tái phạm nguy hiểm chiếm tỷ lệ thấp lần lượt là 8,43% và 1,69% trên tổng số bị cáo.

2.1.4. Thực trạng nhận thức thông qua văn bản chỉ đạo của Đảng và triển khai của chính quyền tỉnh Bình Dương

2.1.4.1. Thực trạng nhận thức thông qua văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước

Đối với Đảng và Nhà nước ta, việc phòng ngừa tội phạm nói chung và phòng ngừa các tội XPSH nói riêng luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng

yếu, cấp bách, cần được thực hiện thường xuyên, liên tục và lâu dài. Điều đó thể hiện qua các nghị quyết, chỉ thị, chương trình hành động của Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ về công tác phòng, chống tội phạm chỉ thị, quyết định của Bộ chính trị và Chính phủ... những văn bản quan trọng thể hiện quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước ta trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Cụ thể:

- Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Bộ chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Chỉ thị đưa ra nguyên nhân của tình hình tội phạm hiện nay đó là: “Tình hình trên đây do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân là cấp ủy đảng, chính quyền ở một số nơi chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo nên chưa huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác phòng, chống tội phạm; lực lượng trực tiếp chống tội phạm ở nhiều nơi còn yếu; công tác quản lý xã hội, công tác tuyên truyền, giáo dục về pháp luật, về đạo đức, lối sống và vận động nhân dân tham gia phòng, chống tội phạm còn nhiều hạn chế. Hiệu quả phòng ngừa tội phạm do nguyên nhân xã hội còn thấp; tỷ lệ điều tra, khám phá một số loại tội phạm chưa cao...” [3, tr. 01]

- Quyết định 282/QĐ-TTg năm 2011 về Kế hoạch thực hiện Chỉ thị 48-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Quyết định đã nhấn mạnh nhiệm vụ trọng tâm: “Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các loại hình kinh doanh, dịch vụ dễ dẫn đến vi phạm pháp luật như: dịch vụ kinh doanh Gameonline, trò chơi điện tử có hình ảnh bạo lực, vũ trường, dịch vụ văn hóa, băng đĩa hình đồi trụy. Tập trung chỉ đạo phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn một số loại tội phạm có xu hướng gia tăng như: tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm do nguyên nhân xã hội, tội phạm ma túy, tham nhũng, tội phạm về môi trường, tội phạm và vi phạm pháp luật trong thanh, thiếu niên, tội phạm mua bán người, cướp có vũ trang...”. [7, tr. 01]

- Quyết định 1217/QĐ-TTg ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2012 Quyết định Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2012 –

2015 do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Quyết định thể hiện nhiều nội dung trong đó quy định về mục tiêu tổng quát của chương trình mục tiêu quốc gia phòng chống tội phạm giai đoạn 2012 – 2015: “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với công tác phòng, chống tội phạm. Giữ vững kỷ cương pháp luật nâng cao ý thức tuân thủ, tôn trọng pháp luật của các cấp, các ngành và trong cộng đồng dân cư, trong các cơ quan, đơn vị doanh nghiệp, nhà trường, gia đình và toàn xã hội trong giữ gìn, trật tự, an toàn xã hội; Chủ động phòng ngừa, tích cực tấn công trấn áp, truy quét các loại tội phạm, tập trung ở các tuyến, địa bàn, lĩnh vực trọng điểm, phức tạp...”

- Quyết định 623/QĐ-TTg ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2016 Quyết định Phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 – 2025 và định hướng đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Quyết định thể hiện nhiều nội dung trong đó quy định về mục tiêu tổng quát của Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 – 2025 và định hướng đến năm 2030 [9].

- Ngoài ra Bộ Chính trị, Chính phủ, Thủ tướng chính phủ, các Bộ... cũng ban hành nhiều văn bản nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa tội phạm trong tình hình mới trong đó có các tội XPSH

Qua tìm hiểu nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm hiện nay và các giải pháp được thể hiện tại các văn bản của Đảng, Chính phủ, các Bộ ban hành, xét thấy nhiều nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm nói chung cũng là nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương nói riêng. Điều này hoàn toàn phù hợp với lý luận và thực tiễn. Bởi vì, suy cho cùng thì tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương cũng chỉ là một bộ phận của tình hình tội phạm trên cả nước nói chung. Đồng thời, ngoài những đặc điểm tự nhiên, xã hội riêng biệt của địa phương thì nhiều yếu tố được xem là nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm XPSH cũng chịu sự ảnh hưởng của xã hội, xu hướng của cả nước. Chính vì vậy, chúng ta hoàn toàn có thể kế thừa những quan điểm về nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm thể hiện tại các văn bản chỉ

đạo của Đảng, Nhà nước để phục vụ cho việc hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài.

2.1.4.2. Thực trạng nhận thức thông qua văn bản chỉ đạo và triển khai của chính quyền tỉnh Bình Dương

- Tỉnh ủy Bình Dương đã ban hành Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 12/01/2011 triển khai thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Nghị quyết số 60/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013. Qua đó, đã thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tội phạm tỉnh để tập trung chỉ đạo chuyển hóa địa bàn phường, xã, thị trấn trọng điểm, phức tạp về tội phạm, an ninh trật tự với mô hình Bí thư cấp ủy xã, phường, thị trấn làm Trưởng Ban Chỉ đạo phòng, chống tội phạm. Tính từ năm 2011 đến năm 2015, công an tỉnh đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh mở 14 đợt cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm, chuyển hóa tình hình an ninh trật tự, địa bàn trọng điểm, địa bàn giáp ranh.

Qua phân tích các văn bản chỉ đạo của Đảng, Chính Phủ và chính quyền tỉnh Bình Dương đã cho chúng ta nhận thức được rằng tình hình tội phạm vẫn còn diễn biến phức tạp. Đã xuất hiện nhiều loại tội phạm mới như: khủng bố, rửa tiền, mua bán người, sử dụng công nghệ cao để phạm tội, tội phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, tội phạm về môi trường, tội phạm xuyên quốc gia... Tình hình trên đây do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân là cấp ủy đảng, chính quyền ở một số nơi mặc dù đã có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo nhưng chưa hiệu quả, nhất là trong việc triển khai thực hiện các văn bản đã ban hành nên chưa huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác phòng, chống tội phạm; lực lượng trực tiếp chống tội phạm ở nhiều nơi còn yếu... Việc kế thừa, nhận thức đúng đắn, đầy đủ những nguyên nhân này sẽ là cơ sở thuận lợi cho tác giả đưa ra những kết luận đúng đắn về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương cũng như nhằm đưa ra các giải pháp phù hợp nhất để phòng ngừa hiện tượng xã hội tiêu cực này.

2.2. Thực trạng các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011-2015

2.2.1. Nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình tương tác nhập tâm

2.2.1.1. Những nguyên nhân và điều kiện khách quan

Như đã phân tích ở Chương 1, hệ thống gồm môi trường gia đình, nhà trường và xã hội với Nhà nước là chủ thể quản lý có thể chứa đựng trong nó những nhân tố tiêu cực là nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Ở nội dung này, tác giả làm rõ thực trạng các nguyên nhân, điều kiện này như sau:

a) Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường gia đình

Kết quả nghiên cứu tình hình các tội XPSH ở Bình Dương thời gian qua cho thấy các yếu tố tiêu cực trong môi trường gia đình có những biểu hiện như sau:

Thứ nhất, bị cáo có gia đình không hoàn thiện, tức là bị cáo không có đầy đủ cha hoặc mẹ. Tại bảng 2.22 (Phần phụ lục) số bị cáo có gia đình không hoàn thiện là 106 bị cáo, chiếm tỷ lệ 59,56%, qua việc nghiên cứu còn cho thấy có 12 bị cáo mồ côi cha hoặc mẹ và 03 bị cáo mồ côi cả cha và mẹ. Rõ ràng những người sinh ra từ những gia đình không hoàn chỉnh, không được giám sát, giáo dục từ cha, mẹ; thiếu điểm tựa về tinh thần, thiếu thốn tình cảm trong đời sống gia đình đã là một trong những yếu tố tiêu cực, bất lợi đối việc hình thành và phát triển nhân cách của trẻ.

- Thứ hai, do thiếu sự quan tâm giáo dục của bố, mẹ, gia đình có hoàn cảnh kinh tế không thuận lợi. Có 88,2% số lượng bị cáo sống trong gia đình thiếu sự quan tâm chăm sóc và giáo dục, chủ yếu là do người phạm tội xuất thân từ gia đình có đông con, kinh tế không thuận lợi, gia đình không hạnh phúc.

+ Hoàn cảnh kinh tế là một trong những yếu tố có ý nghĩa rất lớn đối với việc hình thành động cơ, mục đích phạm tội và tác động trực tiếp đến cách thức xử sự của con người. Hầu hết người phạm tội XPSH đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Số bị cáo phạm tội XPSH sống trong gia đình có kinh tế thuận lợi chiếm tỉ lệ không

cao, các bị cáo này chủ yếu là thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản và cướp tài sản đối với người bị hại là con nợ từ trước của bị cáo hoặc người thân của bị cáo.

+ Sống trong gia đình không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, đánh nhau, nên người phạm tội có tâm lý chán nản, kết thân với bạn bè xấu, sử dụng chất kích thích, ăn chơi rồi phát sinh hành vi tiêu cực. Như vụ án “Cưỡng đoạt tài sản” do Phạm Vũ Linh thực hiện: Linh sống trong gia đình có kinh tế khó khăn, đông anh chị em (08 người) và có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản. Để có tiền tiêu xài, khoảng 24 giờ 00 phút ngày 22/11/2013, Linh và Đỗ Văn Tiến, Bùi Quốc Nghi, Lê Hoàng Thiện thỏa thuận với nhau đi trộm cắp xe mô tô tại bãi giữ xe vi phạm của Công an phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một. Để thực hiện ý định này, Tiến điều khiển xe mô tô biển số 61F1-101.56 chở Linh, Thiện, Nghi đi đến bãi giữ xe của Công an phường Hiệp An. Khi đến nơi, Linh và Nghi đứng ngoài cảnh giới, còn Tiến và Thiện đi vào trong lấy trộm 01 xe mô tô biển số 61E1-274.88 đẩy ra ngoài. Sau đó, Tiến và đồng bọn đưa chiếc xe vừa trộm được đến gửi tại nhà của Nguyễn Thanh Hải ở khu phố 1, phường Tân Định, thị xã Bến Cát. Đến khoảng 09 giờ 00 phút ngày 23/11/2013, Tiến và Thiện đến nhà Hải lấy chiếc xe biển số 61E1-274.88 đi làm chìa khóa để sử dụng. Lúc này, thấy Tiến sử dụng chiếc xe 61E1-274.88 nên Linh nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 61F1-101.56 của Tiến để sử dụng. Linh liền nói với Tiến cho Linh chiếc xe mô tô biển số 61F1-101.56 nhưng Tiến không đồng ý. Tiếp đó, Linh đe dọa nếu Tiến không đưa chiếc xe 61F1-101.56 cho Linh thì Linh sẽ tố cáo hành vi trộm cắp xe mô tô của Tiến đến cơ quan Công an. Do lo sợ bị bắt giữ nên Tiến đồng ý và đưa xe mô tô biển số 61F1-101.56 cho Linh. Đến ngày 30/11/2013, hành vi trộm cắp tài sản của Linh và đồng bọn bị phát hiện nên Tiến làm đơn tố cáo hành vi cưỡng đoạt tài sản của Linh. Qua vụ án cho thấy, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, gia đình đông anh em lại không có nghề nghiệp cùng với việc kết thân với bạn bè xấu đã tác động hình thành những đặc điểm nhân thân xấu ở Linh như lười lao động, đua đòi, coi thường pháp luật. Để có tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu của bản thân, Linh đã liên tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác.

b) Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường nhà trường (Xem Bảng 2.19 – Phần phụ lục).

Nghiên cứu tình hình tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011 – 2015 và kết quả điều tra xã hội học, cho thấy:

Nhà trường thường có một số hạn chế đó là sự quản lý lỏng lẻo, không có hoặc có nhưng không đạt hiệu quả về sự phối hợp với gia đình trong việc giáo dục trẻ, nhiều trường hợp học sinh có những biểu hiện tiêu cực như thường xuyên trốn học, học hành sa sút, đánh nhau, đua đòi... nhưng nhà trường không quan tâm theo dõi, quản lý để kịp thời phát hiện và uốn nắn từ đó trẻ dễ hình thành tâm lý bất cần, chán học, bỏ học, thích tụ tập bạn bè xấu và nghe theo sự lôi kéo của bạn bè thực hiện hành vi phạm tội. Điển hình như vụ “cướp tài sản” do Nguyễn Thế Thành cùng đồng bọn thực hiện: Nguyễn Thế Thành (sinh ngày 13/10/1998), Nguyễn Văn Sang (sinh ngày 13/10/1998), Tô Hồng Nam, sinh ngày (22/12/1999) đều là học sinh nhưng thường xuyên trốn học và chơi với các đối tượng không có nghề nghiệp là Nguyễn Xuân Cường, Hồ Minh Trung. Khoảng tháng 3/2013, do không có tiền đi đánh bạc nên Thành nảy sinh ý định chặn đường các công nhân làm ca đêm để cướp tài sản, Cường, Trung, Sang, Nam đồng ý. Ngày 19/3/2013, Thành gọi điện thoại rủ Cường, Trung, Sang, Nam 21 giờ 30 phút ngày 20/3/2013 gặp nhau tại cổng sau Khu công nghiệp Mỹ Phước thuộc khu phố 3, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát để đi chặn đường các người đi làm về mượn cướp tài sản. Khoảng 22 giờ cùng ngày, phát hiện chị Lê Thị Mùi (sinh năm 1988) đi làm về muộn, chúng chặn đường, dùng dao ám dọa chị và ép chị giao toàn bộ tài sản cho chúng. Sau sự việc xảy ra, chị Mùi báo Công an thị xã Bến Cát và Thành cùng đồng bọn bị bắt giữ. Vụ án trên cho thấy, do sự quản lý lỏng lẻo của nhà trường, nhà trường và gia đình không có sự phối hợp trong việc giáo dục nên nhà trường và gia đình không phát hiện việc Thành, Sang, Nam thường xuyên trốn học, tiếp xúc với các đối tượng xấu và tham gia vào các tệ nạn xã hội, vì vậy đã không có sự uốn nắn, giáo dục kịp thời.

Ngoài hạn chế nêu trên, nhà trường còn có những thiếu sót đó là không quan tâm giáo dục đạo đức, pháp luật, kỹ năng sống, thầy cô còn có sự phân biệt đối xử

giữa các học sinh, việc giáo dục chỉ chạy theo thành tích mà không quan tâm đến chất lượng và chưa có giải pháp hữu hiệu trong việc giáo dục, giúp đỡ học sinh chưa ngoan, cá biệt, khi học sinh có sai phạm thường sẽ bị đuổi học hay đình chỉ học. Ví dụ như vụ “Cướp tài sản” do Võ Quốc Hùng cùng đồng bọn thực hiện: Võ Quốc Hùng, Trần Văn Tiến và Phạm Minh Chính cùng là sinh viên trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng tháng 9/2013, Hùng và Hường (chưa rõ lai lịch) nhờ Chính lo thi hộ môn anh văn. Chính nhờ Tiến lo giúp, Tiến đồng ý với giá 10.000.000 đồng, Hùng và Hường đưa Tiến 6.000.000 đồng trước còn 4.000.000 đồng khi nào có kết quả thi sẽ đưa sau. Đến ngày thi, Tiến nhờ người thi hộ Hùng và Hường nhưng bị nhà trường phát hiện nên đình chỉ học đối với Hùng và Hường mỗi người một năm. Sau sự việc xảy ra, Tiến hứa bồi thường cho Hùng và Hường 30.000.000 đồng để không khai ra việc Tiến làm. Sau đó, Hùng nhiều lần đòi tiền Tiến nhưng Tiến không đưa. Ngày 17/12/2013, Hùng rủ Nguyễn Trung Hiếu và Lê Văn Đạo đi đòi nợ Tiến, tất cả đồng ý. Khoảng 10 giờ cùng ngày, Hùng, Hiếu, Đạo đến trường Đại học Nông Lâm gặp và yêu cầu Tiến đến quán cà phê Ngọc Trinh thuộc khu phố Tân Hòa, phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An nói chuyện, Tiến đồng ý. Tại quán cà phê Ngọc Trinh, Hùng yêu cầu Tiến trả 30.000.000 đồng, Tiến nói chưa có tiền thì Đạo dùng chân đạp vào mặt Tiến, Hiếu nói với Tiến “trong vòng 15 phút phải mượn được 15 triệu nếu không thì gọi bạn đến nhận xác”. Do lo sợ, Tiến gọi điện thoại nói với Chính và mượn xe của Chính để cầm lấy tiền trả cho Hùng. Sau khi Chính đưa xe tới, Hùng và Đạo đem đi cầm được 7.000.000 đồng và chở Chính về. Sau đó, Hùng, Đạo quay lại quán Ngọc Trinh và cùng Hiếu tiếp tục đe dọa bắt Tiến viết giấy nợ ghi vay của Đạo 23.000.000 đồng. Sau khi Tiến viết giấy nợ xong, Hùng cùng đồng bọn mới cho Tiến về. Cùng ngày, Tiến đến Công an trình báo và Hùng cùng đồng bọn bị bắt giữ. Qua vụ án này cho thấy, kỹ năng sống, kỹ năng giải quyết tình huống của học sinh, sinh viên còn yếu kém, khi gặp hoàn cảnh khó khăn Hùng đã lựa chọn cách thức giải quyết vấn đề một cách tiêu cực. Để qua được kỳ thi, Hùng và Hường đã lựa chọn cách thức tiêu cực là nhờ Tiến thi hộ.

Khi sự việc bị phát hiện, để lấy lại số tiền Tiến hứa bồi thường Hùng đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, chiếm đoạt tài sản của Tiến

c. Những yếu tố thuộc môi trường xã hội

Qua thống kê trong phần cơ cấu về nghề nghiệp, chỉ ra rằng: Số lượng bị cáo sống trong gia đình có hoàn cảnh kinh tế không thuận lợi, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định hoặc không có nghề nghiệp chiếm tỉ lệ rất cao. Chính từ nguyên nhân không có việc làm, việc làm không ổn định với mức thu nhập thấp không thể đảm bảo cho cuộc sống của bản thân mà các đối tượng đã phạm tội. Điển hình như vụ “Giết người”, “Cướp tài sản”, “Mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” do Nguyễn Việt Tân và đồng bọn thực hiện: Nguyễn Việt Tân và Nguyễn Thị Kim Kha đều làm công nhân có quan hệ tình cảm và chung sống như vợ chồng. Để có tiền tiêu xài và tổ chức đám cưới, Tân và Kha bàn bạc với Nguyễn Thái Ngọc và Nguyễn Minh Truyền mua súng cướp tài sản của bà Vũ Thị Mai Anh là chủ tiệm áo cưới Phương Anh, tại thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Ngọc và Truyền đồng ý. Ngày 07/3/2013, Tân, Kha, Ngọc và Truyền gặp người tên Lộc (không rõ lai lịch) mua một khẩu súng búa với giá 3.700.000 đồng. Khoảng 18 giờ cùng ngày, Tân đi cùng Truyền, Ngọc đến tiệm áo cưới Phương Anh thì thấy ở đây đang đông khách nên quay về nhà Tân và hẹn hôm sau quay lại. Khoảng 16 giờ ngày 18/3/2013, liên lạc với Ngọc và Truyền nhưng không được, Tân và Kha điều khiển xe mô tô đến tiệm áo cưới Phương Anh yêu cầu bà Anh mở máy tính cho xem hình cưới, bà Anh đang mở máy tính thì Tân dùng tay quạt ngã không chế và dí súng vào đầu bà Anh uy hiếp. Bà Anh với lấy con dao có sẵn trên bàn chống cự lại thì Tân bóp cò để bắn vào đầu bà Anh nhưng súng không nổ. Thấy vậy, Kha kêu Tân “bắn đi, bắn đi” và xông vào không chế tước con dao trên tay bà Anh để Tân chiếm đoạt sợi dây chuyền vàng và chiếc lắc tay vàng trên người bà Anh. Sau đó, Tân và Kha bỏ chạy, nghe tiếng tri hô của bà Anh người dân đuổi theo và bắt giữ Tân, Kha. Vụ án trên cho thấy rằng, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn cùng với việc không có nghề nghiệp ổn định nhưng lại muốn có tiền tiêu xài đã tác động làm nảy sinh ở Tân và Kha tâm lý lười lao động, bản tính tham lam, tư lợi, muốn kiếm tiền bằng mọi giá. Để thỏa

mãn nhu cầu vật chất, Tân và Kha đã bất chấp tất cả, liều lĩnh thực hiện hành vi phạm tội, kể cả việc tước đoạt mạng sống của người khác.

Các chủ trương, chính sách và pháp luật của nhà nước còn rất nhiều sơ hở mà các đối tượng dựa vào đó để thực hiện hành vi phạm tội, đặc biệt là các loại tội XPSH. Điển hình như vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do Nguyễn Hồ Tấn Phong cùng đồng bọn thực hiện: Năm 2011, Hồ Tấn Phong cùng đồng phạm đã tiếp cận chủ sử dụng quyền sử dụng đất đang có ý định chuyển nhượng quyền sử dụng đất để xin phôtô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi từ đó làm giả các giấy tờ việc liên quan đến chuyển nhượng quyền sử dụng đất như: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận kết hôn, giấy chứng minh nhân dân. Sau khi có giấy tờ giả, Hồ Tấn Phong cùng đồng phạm đã đóng giả vợ chồng chủ sử dụng quyền sử dụng đất và liên hệ với những người cho vay tiền với hình thức ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để đảm bảo thu hồi vốn. Khi các bị hại đồng ý cho vay tiền, Hồ Tấn Phong cùng đồng phạm đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cùng các bị hại đến các Văn phòng công chứng để công chứng hợp đồng, sau đó chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền 15.000.000.000 đồng. Qua vụ án cho thấy, do sự thiếu sót của các quy định pháp luật cùng với quá trình thực hiện công chứng hợp đồng còn nhiều sơ hở, chưa chặt chẽ đã làm nảy sinh ở Phong lòng tham, tâm lý thực dụng, lười lao động, mong muốn nhanh chóng có tiền. Khi có điều kiện, Phong và đồng bọn đã làm giả các loại giấy tờ nhằm lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác.

Nghiên cứu cơ cấu về hộ khẩu thường trú, nơi cư trú cho thấy, số lượng bị cáo là dân nhập cư chiếm tỉ lệ rất lớn. Bình Dương là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với nhiều khu công nghiệp, cụm công nghiệp, điều đó đã thu hút nhiều lao động từ các tỉnh khác đến làm việc, sinh sống. Trong khi đó công tác quản lý, kiểm soát chặt chẽ số người đến tạm trú và lưu trú trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế, kéo theo đó là việc phát sinh các vấn đề như người lao động không có nơi cư trú ổn định (chủ yếu ở nhà thuê), thất nghiệp và tất yếu là xảy ra các loại tội phạm về XPSH. Điển hình trong vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do Phan Văn

Sơn thực hiện: Phan Văn Sơn có hộ khẩu thường trú ở Nghệ An vào Bình Dương thuê nhà trọ ở và làm công nhân. Do không có tiền tiêu xài, khoảng 18 giờ ngày 06/10/2012, Sơn nảy sinh ý định đem chiếc xe mô tô của Sơn đến gửi ở bãi giữ xe của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương sau đó tráo đổi biển số xe của Sơn qua xe mô tô có giá trị hơn cho phù hợp với thẻ giữ xe của Sơn rồi đem chiếc xe đó ra ngoài bán. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Sơn điều khiển xe mô tô của Sơn đến gửi ở bãi giữ xe của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương, Sơn dựng xe ở cuối bãi giữ xe và bên cạnh 01 chiếc xe mô tô biển số 61Z4 – 1705 có giá trị hơn xe của Sơn. Thấy không ai để ý, Sơn lấy cờ lê mang sẵn tháo biển số xe mô tô biển số 61Z4 – 1705 và giả vờ đang nghe điện thoại. Sau khi tháo rời được một bên biển số và đang tiếp tục tháo bên còn lại thì nhân viên giữ xe phát hiện và bắt giữ. Vụ án cho thấy, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có nơi cư trú ổn định cùng với các đặc điểm nhân thân xấu như lười lao động, háms lợi, muốn kiếm tiền một cách nhanh chóng đã thúc đẩy Sơn thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác.

Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong xã hội có chiều hướng gia tăng. Tình trạng phổ biến, tiếp thu thiếu chọn lọc những sản phẩm văn hóa nước ngoài như băng đĩa, phim ảnh, sách ảnh có nội dung không lành mạnh, các tệ nạn xã hội... ngày càng tăng cao. Từ đó dễ nảy sinh những quan điểm, quan niệm tiêu cực và dễ thúc đẩy con người thực hiện các hành vi phạm tội. Ví dụ vụ án “Giết người”, “Cướp tài sản” do Kiều Thanh Thi thực hiện: Thi sinh ngày 06/6/1998 học lớp 10 thì bỏ học đi làm thuê. Ngày 15/10/2014, ông Liêu Thành Hưng ngụ tại khu phố Thạnh Hòa B, phường An Thạnh, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương nói nếu Thi quan hệ tình dục đồng tính với Hưng thì Hưng sẽ cho 200.000 đồng một lần và sẽ mua sắm quần áo, giày dép cho Thi nên Thi đồng ý. Khoảng 20 giờ ngày 06/11/2014, Thi đến nhà ông Hưng và quan hệ đồng tính với ông Hưng. Sau khi quan hệ xong, Thi nhắc lại việc Hưng hứa mua sắm quần áo cho Thi nhưng Hưng trả lời là không có tiền và sẽ không mua sắm gì cho Thi. Thi nhìn thấy chiếc xe mô tô và điện thoại di động của Hưng để trong nhà nên nảy sinh ý định giết Hưng rồi chiếm đoạt tài sản. Thực hiện ý định, Thi đi vào bếp lấy con dao dài 20 cm giấu

vào phía sau lưng quần rồi giấu dưới gối nằm chờ Hưng ngủ sẽ đâm chết Hưng. Đến 01 giờ ngày 07/11/2014, Hưng đang nằm xem tivi, Thi ngồi dậy, dùng tay trái bịt miệng, tay phải dùng dao đâm vào vùng cổ của Hưng, Hưng vùng dậy bỏ chạy, Thi đuổi theo đâm vào lưng và đập Hưng ngã trúng tủ. Do đập phải vùng máu của Hưng nên Thi trượt ngã, ông Hưng bỏ chạy ra khỏi nhà, Thi thấy vậy nên leo rào bỏ trốn. Khoảng 06 giờ cùng ngày, gia đình của Hưng phát hiện Hưng đã chết nên báo Công an, sau đó Thi bị bắt giữ. Qua vụ án cho thấy, do sự suy thoái về đạo đức, lối sống đã hình thành những tư tưởng, lối sống lệch lạc ở Thi. Để có tiền tiêu xài, Thi đã chấp nhận qua hệ đồng tính với ông Hưng. Khi không được đáp ứng các yêu cầu, Thi sẵn sàng thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, thậm chí là giết người.

2.2.1.2. Những nguyên nhân và điều kiện chủ quan

a. Sai lệch về sở thích

Nghiên cứu 178 bị cáo cho thấy, từ những sở thích lệch lạc như tụ tập bạn bè xấu, ăn chơi, uống rượu, nghiện ma túy, nghiện games, cờ bạc đã dẫn đến việc các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội XPSH. Qua nghiên cứu các bản án sơ thẩm cho thấy, những sở thích lệch lạc có thể khiến con người có những lựa chọn cách thức xử sự không đúng đắn, thậm chí là có hành vi vi phạm pháp luật để thỏa mãn những sở thích đó.

b. Sai lệch về nhu cầu và cách thức thỏa mãn nhu cầu

Qua nghiên cứu 100 vụ án với 178 bị cáo đã chỉ ra rằng: 96,02% bị cáo thực hiện hành vi phạm tội XPSH là để thỏa mãn nhu cầu vật chất và chỉ có 3,98% bị cáo phạm tội là để trả thù. Do tác động của nền kinh tế thị trường, một số người có tư tưởng thực dụng, coi trọng vật chất, hưởng thụ, sống nhanh, sống gấp, sống buông thả... Một số đối tượng đã lựa chọn thực hiện hành vi vi phạm pháp luật để thỏa mãn nhu cầu vật chất lệch lạc của bản thân.

c. Trí tuệ, khả năng kiềm chế và kiểm soát hành vi

Số liệu trong phần cơ cấu về trình độ học vấn nêu trên đã phản ánh một thực trạng rằng phần lớn các đối tượng phạm tội XPSH có trình độ học vấn thấp, vì ở họ

khả năng nhận biết và đánh giá các tình huống xảy ra rất hạn chế, cộng thêm sự lười biếng, háms lợi, muốn kiếm tiền một cách nhanh chóng mà không phải bỏ công sức lao động và để thỏa mãn nhu cầu vật chất của bản thân mà các đối tượng đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Như vụ án “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” do Đái Hoàng Vũ thực hiện”: Vũ nghỉ học từ lớp 7 và không có nghề nghiệp. Khoảng 15 giờ ngày 07/6/2013, Nguyễn Hoài Hận điều khiển xe mô tô của mình chở Vũ đến quán ốc không tên thuộc ấp Long Bình, Long Nguyên, Bến Cát uống rượu. Khoảng 17 giờ cùng ngày, Vũ mượn xe Hận đi mua trái cây về uống rượu tiếp. Khi Hận giao xe, Vũ điều khiển đi tìm bạn để mượn tiền mua trái cây nhưng không mượn được tiền. Sau đó, Vũ nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của Hận để làm phương tiện đi lại cho cá nhân nên Vũ điều khiển xe bỏ trốn, đi đến địa phận tỉnh Bình Dương thì bị Công an phát hiện bắt giữ. Qua vụ án cho thấy, do có trình độ học vấn thấp lại không có nghề nghiệp cùng với các đặc điểm nhân thân xấu như lòng tham, muốn có tiền một cách dễ dàng, lười lao động nên sau khi mượn được xe của Hận, Vũ đã lựa chọn cách thức đó là chiếm đoạt tài sản của người khác để thỏa mãn nhu cầu của mình.

Thống kê số bị cáo phạm tội XPSH cho thấy, có 02 bị cáo có trình độ trung cấp trở lên, họ là những người có khả năng hiểu biết, phán đoán, suy nghĩ tốt hơn nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội vì họ tin rằng hành vi phạm tội của mình không bị phát hiện, như vụ “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do Ngô Thị Ánh Tuyết thực hiện: Tuyết là Kế toán trưởng của Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Phúc Lợi. Trong thời gian làm việc từ 2011 đến 2012, do thấy việc giao dịch thanh toán ủy nhiệm chi giữa Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Phúc Lợi và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bình Dương quá đơn giản và dễ dàng nên Tuyết nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ngân hàng bằng cách giả mạo chữ ký của chủ doanh nghiệp trên 05 tờ ủy nhiệm chi để lừa các nhân viên giao dịch của ngân hàng thực hiện chuyển tiền của Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Phúc Lợi vào tài khoản cá nhân của Tuyết với tổng số tiền 52.979.400 đồng, sau đó Tuyết xin nghỉ việc. Vụ án cho thấy, do có trình độ học vấn nhất định nên trong quá trình

làm việc Tuyết có thể nhận thấy những sơ hở trong quá trình thanh toán giữa doanh nghiệp và ngân hàng, từ đó nảy sinh tâm lý tham lam, thực dụng và Tuyết tin rằng hành vi phạm tội của mình không bị phát hiện nên khi có cơ hội, Tuyết đã giả mạo chữ ký để chiếm đoạt tài sản.

d. Những hạn chế về ý thức pháp luật cá nhân

Qua nghiên cứu 100 bản án cho thấy: Các bị cáo không hiểu biết hoặc hiểu biết rất ít, hiểu biết mơ hồ về pháp luật chiếm tỉ lệ thấp (12/178 bị cáo chiếm 9,27%), chủ yếu là các bị cáo có thái độ thờ ơ, coi thường pháp luật, có xu hướng chống đối pháp luật và các cơ quan bảo vệ pháp luật, một số người tin vào khả năng trốn tránh được sự trừng phạt của pháp luật hoặc họ hy vọng rằng hành vi phạm tội của mình không bị phát hiện.

Điều này đã được thể hiện ở số liệu của cơ cấu về tiền án, tiền sự. Số người phạm tội XPSH có tiền án, tiền sự tương đối cao. Một số trường hợp bị cáo có rất nhiều tiền án về tội XPSH. Diễn hình như:

Nguyễn Văn Phú có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, 02 tiền án về tội Cố ý gây thương tích, 01 tiền sự về hành vi Gây rối trật tự công cộng; Nguyễn Văn Tây có 04 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, 01 tiền án về tội Trốn khỏi nơi giam; Nguyễn Thanh Sang có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản; Huỳnh Ngọc Nhân có 01 tiền án về tội Mua bán trái phép chất ma túy nhưng các bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội như sau: Khoảng 19 giờ ngày 03/8/2014, Phú rủ Sang, Nhân và Tây đi tìm xe mô tô không người trông giữ lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài, Sang, Nhân và Tây đồng ý. Tiếp đó, Tây, Sang, Nhân và Phú điều khiển xe mô tô đến bãi giữ xe trước chợ Thủ Dầu Một tìm xe mô tô lấy trộm. Sang, Phú và Tây đứng đợi bên ngoài còn Nhân điều khiển xe mô tô vào gửi tại bãi giữ xe đồng thời Nhân dùng một cây đoản hình chữ T phá ổ khóa xe mô tô biển số 61C1-383.20 của bà Nguyễn Thanh Trúc đang gửi trong bãi giữ xe. Sau khi phá ổ khóa xong, Nhân mở yên xe và lấy vé giữ xe bà Trúc để trong cốp xe đưa cho nhân viên giữ xe và lấy xe mô tô của bà Trúc ra ngoài. Tiếp đó, Nhân đưa vé gửi xe mô tô của Nhân cho Phú vào lấy xe mô tô của Nhân ra khỏi bãi giữ xe rồi cả nhóm cùng nhau tẩu thoát.

Vụ án trên cho thấy, mặc dù đã bị xử phạt nhiều lần nhưng các đối tượng vẫn có thái độ thờ ơ, coi thường pháp luật, có xu hướng chống đối pháp luật và các cơ quan bảo vệ pháp luật, cộng với việc không có nghề nghiệp ổn định nên khi không có tiền tiêu xài thì các đối tượng trên lại nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để thỏa mãn nhu cầu của mình.

2.2.2. Nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình tương tác xuất tâm

Nhập tâm và xuất tâm là hai quá trình kế tiếp nhau được nhìn nhận trên cơ sở của cơ chế hành vi phạm tội. Quá trình tương tác nhập tâm kéo dài từ khi con người được sinh ra cho đến khi có động cơ phạm tội. Quá trình này chỉ diễn ra trong đầu óc con người. Quá trình kế tiếp là quá trình tương tác xuất tâm, gồm khâu kế hoạch hóa và hiện thực hóa hành vi phạm tội. Những yếu tố tác động đến quá trình này phải có 2 nội dung đề cập:

Thứ nhất, Yếu tố là nguyên nhân, điều kiện chủ quan. Sự kiên quyết của chủ thể hành vi phạm tội XPSH là yếu tố được xem là nguyên nhân, điều kiện chủ quan của quá trình này. Điều này được thể hiện qua phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Kết quả nghiên cứu được trình bày ở phần 2.9 cho thấy: phương thức gây án không có kế hoạch, tức là có 02 bước chiếm tỷ lệ 68% tổng số vụ và 67,98% tổng số bị cáo; phương thức gây án có kế hoạch, tức 03 bước chiếm tỷ lệ 25% tổng số vụ và 23,6% tổng số bị cáo, các đối tượng thường lợi dụng vào điều kiện, hoàn cảnh khách quan, lựa chọn thời điểm thuận lợi như khi nạn nhân sơ hở, mất cảnh giác, vắng người để nhanh chóng tiếp cận chiếm đoạt tài sản. Như vậy, có thể nhận xét rằng các hành vi phạm tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015 chủ yếu được thực hiện qua hai bước. Do vậy, quá trình kế hoạch hóa hành vi cũng diễn ra có sự tính toán trong suy nghĩ của người phạm tội.

Thứ hai, các yếu tố là nguyên nhân, điều kiện khách quan của quá trình. Như đã trình bày ở Chương một và đối chiếu với các chất liệu nghiên cứu, tác giả có thể đưa ra các nhận định sau:

Một là, nguyên nhân xuất phát từ nạn nhân của các tội XPSH. Trong các bản án đã xét xử cho thấy là nạn nhân cũng thường mắc lỗi. Đây là vấn đề nạn nhân học

và xét trên cơ sở của cơ chế hành vi phạm tội với ba bộ phận của nó là kích thích khách thể (S), kích thích phương tiện (X) và hành vi trả lời các kích thích (R), thì vấn đề được đề cập ở tiểu mục này vốn thuộc vào kích thích khách thể (S), phần yếu tố tình huống. Lỗi này được thể hiện cụ thể ở những yếu tố sau: Phía nạn nhân không áp dụng các biện pháp bảo vệ tài sản cần thiết như đi khỏi nhà mà không khóa cửa; để tài sản ngoài nhà, ngoài trụ sở mà không có người trông coi; ngủ không đóng cửa; không thuê người trông coi tài sản khi đi khỏi nhà; nạn nhân phô trương tài sản của mình khi ra đường; Nạn nhân có quan hệ thân thích tin tưởng người khác, do tham lam, quan hệ chòm xóm láng giềng, mối quan hệ quen biết và cả sự chủ quan bị đối tượng lợi dụng chiếm đoạt tài sản.

Hai là, sự yếu kém của các cơ quan chức năng trong việc phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi phạm tội. Những yếu tố thuộc nguyên nhân này rất khó thống kê tuy nhiên không thể phủ nhận rằng nó không tồn tại. Có thể kể ra một số nguyên nhân, điều kiện như: Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật chưa được chú trọng đúng mức chỉ mang tính hình thức; Công tác quản lý xã hội nói chung và công tác quản lý các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự nói riêng (những ngành, nghề có những điều kiện, phương tiện, vật phẩm mà bọn tội phạm thường lợi dụng) còn chưa đạt hiệu quả cao; Hiệu quả của công tác tiếp nhận tin báo tố giác và điều tra, xử lý các vụ việc có dấu hiệu tội phạm còn chưa cao, đây là lý do của việc gia tăng tội phạm ản.

Ba là, các nguyên nhân, điều kiện khách quan khác thuộc môi trường sống làm phát sinh tội phạm XPSH. Theo thống kê thể hiện ở Bảng 2.10 và Bảng 2.11 cho thấy thời gian và địa điểm gây án là hai yếu tố tác động lớn đến tình hình tội phạm. Cụ thể: Chỉ có 8/100 vụ án xảy ra vào khung giờ từ 06 giờ đến 12 giờ, còn lại là các vụ án xảy ra ở các khung giờ khác do đây là thời gian mọi người thường có các hoạt động nghỉ ngơi, đi lại, giao lưu nên thường thiếu cảnh giác trong việc bảo quản tài sản.

2.3. Thực trạng làm sáng tỏ các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương thông qua các chủ thể phòng, chống tội phạm

Theo quy định của pháp luật, cụ thể là tại điều 6 Bộ luật TTHS năm 2003 có quy định: “*Điều 27. Phát hiện và khắc phục nguyên nhân, điều kiện phạm tội*

Trong quá trình tiến hành tố tụng hình sự, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Toà án có nhiệm vụ tìm ra những nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và ngăn ngừa.

Các cơ quan, tổ chức hữu quan phải trả lời về việc thực hiện yêu cầu của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Toà án”. Tuy nhiên, qua nghiên cứu các bản án hình sự sơ thẩm cho thấy các chủ thể tiến hành tố tụng được quy định ở trên đã không thực hiện triệt để nhiệm vụ của mình được luật quy định. Điều này có nghĩa rằng, thực trạng làm sáng tỏ nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Bình Dương của các chủ thể phòng ngừa tội phạm có hiệu quả chưa cao. Cụ thể:

- Đối với ngành Công an nhân dân. Đây là lực lượng nòng cốt, chủ công trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung và tội phạm XPSH nói riêng. Tuy nhiên công tác phòng, chống tội phạm XPSH của ngành Công an còn nhiều thiếu sót:

Lực lượng Công an chủ yếu tập trung vào thực hiện các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ, tiến hành điều tra làm rõ các tình tiết của vụ án mà ít chú trọng vào việc làm rõ các nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm hoặc nếu có thì cũng còn hạn chế về hiệu quả nên việc đưa ra các kiến nghị đến các cơ quan liên quan trong việc phòng ngừa tình hình tội phạm chưa đáp ứng được với nhu cầu thực tế;

Công tác phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc của lực lượng Công an chưa được quan tâm đúng mức, các hình thức phát động sơ sài, nội dung phát động chưa tác động lớn đến ý thức nhân dân, chưa phát huy được sức mạnh nhân dân;

Việc thực hiện các nội dung quản lý hành chính Nhà nước về an ninh trật tự còn bộc lộ nhiều hạn chế cần khắc phục. Chẳng hạn: Quản lý cư trú (chưa nắm,

thống kê được số lượng người nhập cư thực tế vào địa bàn tỉnh, đặc biệt là các đối tượng lưu động chỉ lưu trú thời gian ngắn tại địa bàn); Quản lý Vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; Quản lý ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự (dịch vụ cầm đồ, dịch vụ cho thuê lưu trú, dịch vụ bảo vệ...);

- Đối với Viện kiểm sát nhân dân. Với chức năng thực hiện quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp do pháp luật quy định, trong thời gian qua, công tác phòng, chống tội phạm, Viện kiểm sát hai cấp đã làm khá tốt công tác này. Tuy nhiên, đối với nhiệm vụ phát hiện và khắc phục nguyên nhân, điều kiện của tội phạm trong đó có các tội XPSH còn bộc lộ những hạn chế như: Viện kiểm sát chưa chú ý đến việc làm rõ nguyên nhân, điều kiện của tội phạm nhằm đề ra các biện pháp phòng ngừa, hầu hết Kiểm sát viên chỉ tập trung vào kiểm sát hoạt động điều tra, ít chú ý đến việc phối hợp với Cơ quan điều tra để điều tra các hành vi phạm tội.

- Đối với Tòa án nhân dân

Mặc dù nguyên nhân và điều kiện của tội phạm là một trong những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự. Tuy nhiên, trong thực tế, Tòa án nhân dân chủ yếu tập trung làm rõ các vấn đề khác như: Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội; Ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý; có năng lực trách nhiệm hình sự hay không; mục đích, động cơ phạm tội; Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo và đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo; Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra... và ít quan tâm đến làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tội phạm. Do đó, làm giảm hiệu quả của công tác phòng ngừa. Các nguyên nhân dẫn đến tình trạng này có thể kể ra như:

Đội ngũ Thẩm phán có chất lượng không đồng đều, tình trạng một số Thẩm phán chưa tập trung nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, việc xét xử tại phiên tòa đôi lúc chưa hiệu quả;

Lực lượng hội thẩm nhân dân có trình độ pháp luật còn hạn chế, thực tế có nhiều không nghiên cứu hồ sơ vụ án trước khi xét xử, nên thụ động phụ thuộc vào phán quyết của Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa;

Kết luận chương 2

Chương 2 của luận văn tập trung phân tích làm rõ thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Qua nghiên cứu cho thấy tình hình các tội phạm XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015 diễn biến khá nghiêm trọng và có xu hướng gia tăng (trong khi cả nước có xu hướng giảm). Nguyên nhân và điều kiện của tình trạng trên xuất phát từ nhiều yếu tố: môi trường gia đình, nhà trường, xã hội... thậm chí cũng có phần nguyên nhân, điều kiện từ phía bị hại. Các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm trên địa bàn tỉnh đã được tác giả tiến phân tích, làm rõ dựa trên các tài liệu, số liệu thống kê để đưa ra kết luận phù hợp nhất. Từ những lập luận, những nhận định về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương được trình bày ở Chương 2 sẽ là cơ sở để tác giả đi sâu vào nghiên cứu, giải quyết nhiệm vụ đặt ra ở Chương 3 luận văn.

Chương 3

PHÒNG NGỪA CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TỪ KHÍA CẠNH NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HIỆN TƯỢNG TIÊU CỰC NÀY

3.1. Tăng cường nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm xâm phạm sở hữu trong phòng ngừa tình hình tội phạm này

3.1.1. Đối với các cơ quan chuyên trách

Phòng ngừa tội phạm là hoạt động chung của cả xã hội. Tuy nhiên, để đáp ứng với yêu cầu phòng ngừa tội phạm, giữ vững ổn định xã hội, Nhà nước đã xây dựng cho mình các cơ quan chuyên trách trong phòng ngừa tội phạm. Các chủ thể này có trách nhiệm tiến hành các hoạt động cụ thể theo chức năng, thẩm quyền của mình nhằm không cho tội phạm xảy ra. Các cơ quan chuyên trách có thể kể ra như: lực lượng Công an nhân dân, tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, kiểm lâm, Bộ đội biên phòng, quản lý thị trường... Để tăng cường nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm XPSH trong phòng ngừa tình hình tội phạm này trên địa bàn tỉnh Bình Dương cần chú trọng thực hiện các nội dung sau:

Thứ nhất, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức nói chung và cán bộ công chức chất lượng, đủ tài, đủ đức để đáp ứng nhu cầu công tác bằng nhiều biện pháp như: Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ, trách nhiệm, đạo đức, nghề nghiệp; Nâng cao hiệu quả, đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; tạo điều kiện học tập, nâng cao kiến thức cho cán bộ công chức nhằm nâng cao năng lực cán bộ của cơ quan, thông qua kết quả học tập và hiệu quả công tác nhằm đào tạo, bồi dưỡng lực lượng nguồn cho các chức danh lãnh đạo, chỉ huy trong đơn vị.

- *Thứ hai*, coi trọng và tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhận thức được nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm nói chung và nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH nói riêng cho đội ngũ cán bộ, Công an, Kiểm sát viên, Thẩm phán;

- *Thứ ba*, định kỳ tổ chức các đợt sơ kết, tổng kết, báo cáo chuyên đề, thông báo kết quả thống kê tình hình tội phạm và các công trình khoa học về phòng ngừa tội phạm nhằm nâng cao nhận thức, kiến thức về phòng ngừa tội phạm cho cán bộ, công chức chuyên trách;

Thứ tư, xây dựng và thực hiện quy định pháp luật về đánh giá cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; thực hiện cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với nhân dân; quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức, viên chức tương ứng với trách nhiệm và có chế tài nghiêm đối với hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm kỷ luật, vi phạm đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

3.1.2. Đối với các cơ quan, tổ chức không chuyên trách và công dân

Để nêu cao ý thức cảnh giác và tinh thần đấu tranh chống tội phạm của các cơ quan, tổ chức và người dân, các cơ quan chức năng cần thực hiện tuyên truyền, vận động sâu rộng hơn nữa trong quần chúng nhân dân nhằm nâng cao ý thức cảnh giác, ý thức cộng đồng, trách nhiệm đối với xã hội và phát huy sức mạnh quần chúng trong phòng ngừa tội phạm bằng nhiều hình thức với những nội dung như sau:

Một là, tuyên truyền nâng cao nhận thức pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật của các tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức như: qua các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các buổi họp,... sao cho phù hợp với đặc điểm của khu dân cư;

Hai là, đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia phòng ngừa, phát hiện, tố giác tội phạm gắn với xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa. Thực hiện tốt công tác tái hòa nhập cộng đồng đối với những người chấp hành xong các án phạt trở về địa phương;

Ba là, xây dựng và nhân rộng các mô hình quần chúng tham gia phòng chống tội phạm nói chung và các tội XPSH nói riêng. Định kỳ sơ kết, tổng kết nhằm rút kinh nghiệm, có hình thức khen thưởng, phê bình kịp thời;

Bốn là, đối với cơ quan, tổ chức không chuyên trách trong đấu tranh phòng ngừa tình hình tội phạm như hội phụ nữ, đoàn thanh niên, mặt trận tổ quốc, cơ

quan thông tin đại chúng... phối hợp với cơ quan chuyên trách trong tham gia phòng ngừa, kiểm tra, giám sát, phát hiện, tố giác tội phạm XPSH và tệ nạn xã hội.

3.2. Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu và dự báo tình hình các tội xâm phạm sở hữu

3.2.1. Cơ sở dự báo

Dưới góc độ tội phạm học thì: Dự báo tình hình là một phần, một bộ phận của dự báo xã hội, vì bản chất tội phạm là một hiện tượng xã hội. Dự báo tình hình tội phạm là sự phán đoán về thực trạng, diễn biến, tính chất của tình hình tội phạm có thể xảy ra trong tương lai, về các nguyên nhân và điều kiện, về các khả năng phòng chống nó trong từng giai đoạn nhất định và việc đánh giá về chất và lượng của những thay đổi trong tình hình tội phạm, các nguyên nhân và điều kiện của nó.[50; tr.183]

Bên cạnh thực trạng tình hình tội phạm hiện tại, những căn cứ để đưa ra các dự báo về tình hình tội XPSH trong thời gian tới bao gồm:

Xuất phát từ vị trí, địa lý, tỉnh Bình Dương là cửa ngõ giao thương, là đầu mối giao thông quan trọng đi các tỉnh miền Đông Nam Bộ và các tỉnh lân cận khác, rất thuận lợi cho phát triển kinh tế và xã hội toàn diện. Bên cạnh những thuận lợi cho phát triển ấy, Bình Dương cũng là một địa bàn thuận lợi cho hoạt động của tội phạm, đặc biệt là tội phạm XPSH ẩn náu và hoạt động.

Bình Dương đang phấn đấu trở thành đô thị loại I trực thuộc Trung ương vào năm 2020 cùng với sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, đặc biệt là công nghiệp. Trong thời gian tới Bình Dương vẫn sẽ là nơi thu hút rất nhiều nhà đầu tư, người lao động, lượng khách đến tham quan, du lịch, học tập, trao đổi kinh nghiệm đầu tư, kinh doanh... Cùng với sự phát triển kinh tế, tình hình an ninh chính trị, TTATXH trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất ổn.

Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh đã tới các điều kiện về cơ sở vật chất, đặc biệt là vấn đề về con người phục vụ cho vấn đề quản lý nhà nước về ANTT chưa theo kịp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương luôn là một thách

thức đối với hiệu quả hoạt động của các cơ quan Nhà nước... Đây cũng là điều kiện thuận lợi làm phát sinh tội phạm.

Các chủ trương, chính sách về kinh tế và pháp luật vẫn còn những hạn chế, sơ hở mà các đối tượng xấu có thể lợi dụng thực hiện hành vi phạm tội, trong đó có các tội XPSH; vấn đề đảm bảo phúc lợi xã hội chưa đáp ứng đầy đủ, từ đó họ dễ phát sinh tâm lý chống đối xã hội.

Môi trường văn hóa còn tồn tại tình trạng nhập khẩu, quảng bá, tiếp thu thiếu chọn lọc những sản phẩm văn hóa nước ngoài; các tệ nạn xã hội (cờ bạc, nghiện rượu, ma túy...) có chiều hướng gia tăng từ đó hình thành những quan điểm, quan niệm tiêu cực, lệch lạc trong cuộc sống, dễ thúc đẩy con người thực hiện hành vi phạm tội.

Công tác phòng ngừa nghiệp vụ, công tác điều tra khám phá các loại tội phạm này của cơ quan chức năng còn nhiều bất cập, chưa có sự phối hợp hiệu quả giữa các lực lượng tiến hành, sự hỗ trợ của nhân dân còn chưa tích cực, nên hiệu quả công tác phòng, chống tình hình tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương còn nhiều hạn chế.

Dựa vào kết quả phân tích về đặc điểm tình hình tội phạm cũng như nguyên nhân điều kiện của tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương, kết hợp với việc đánh giá về xu thế phát triển kinh tế - xã hội sẽ là những cơ sở phục vụ cho việc dự báo tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương được đúng đắn nhất.

3.2.2. Nội dung dự báo tình hình các tội xâm phạm sở hữu

Dựa vào kết quả phân tích về đặc điểm tình hình tội phạm cũng như nguyên nhân điều kiện của tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương, kết hợp với việc đánh giá về xu thế phát triển kinh tế - xã hội, tác giả dự báo tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương trong thời gian tới với những nội dung sau:

Thứ nhất, dự báo về diễn biến hoạt động của tình hình tội XPSH. Diễn biến của tình hình tội XPSH luôn theo chiều hướng tăng cả về số lượng vụ án, số người phạm tội và diễn biến tỉ lệ thuận với diễn biến của tình hình tội phạm trong tỉnh.

Các loại tội XPSH sẽ xảy ra nhiều ở thị xã Dĩ An, thị xã Thuận An và thị xã Bến Cát vì những địa bàn này vẫn đang tồn tại nhiều điều kiện thuận lợi cho việc phát sinh tội phạm. Tình hình tội XPSH vẫn có xu hướng diễn biến phức tạp, tính chất nguy hiểm, rất nghiêm trọng với những phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, nguy hiểm, khó lường, nhiều vụ đồng phạm và tình trạng tái phạm tội cao.

Thứ hai, dự báo về đặc điểm nhân thân người phạm tội XPSH. Trong thời gian tới, phần lớn các đối tượng phạm tội XPSH sẽ có các đặc điểm nhân thân như sau: Phần lớn người phạm tội vẫn là người có độ tuổi đã thành niên, đặc biệt là từ 18 đến 30 tuổi; giới tính nam; có trình độ học vấn thấp, chủ yếu là tiểu học, trung học cơ sở; là người nhập cư, không có nơi cư trú ổn định; không có nghề nghiệp ổn định hoặc không có nghề nghiệp; chưa kết hôn; sống trong gia đình đông anh chị em; sống trong gia đình có hoàn cảnh kinh tế không thuận lợi; động cơ, mục đích phạm tội là thỏa mãn nhu cầu vật chất, ăn chơi đua đòi (đánh bạc, nghiện ma túy, rượu), háms lợi;

Thứ ba, dự báo về phương thức, công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội XPSH. Phương thức thực hiện hành vi phạm tội, chủ yếu vẫn là hai bước – bước chuẩn bị và thực hiện hành vi, hoặc thực hiện và che giấu hành vi phạm tội XPSH.

- Về công cụ gây án: công cụ gây án chủ yếu ở các vụ án trộm cắp tài sản đối tượng dùng các công cụ: các loại mẩu chìa khoá, van phá khoá, tuốt nơ vít, dụng cụ tự chế; kim cộng lực... Các vụ án cướp, cướp giật tài sản gây án với công cụ là dao, kiếm, mã tấu, búa, chai lọ thủy tinh...

- Về phương tiện gây án: phương tiện xe mô tô, xe gắn máy mà đối tượng dùng để trộm cắp, cướp tài sản và cướp giật tài sản thường sử dụng là xe máy; điện thoại di động sẽ là phương tiện liên lạc chủ yếu để thực hiện phạm tội.

Thứ tư, dự báo về loại tài sản bị xâm hại phổ biến. Thiệt hại do hành vi phạm tội XPSH gây ra là thiệt hại về kinh tế, loại tài sản bị xâm hại nhiều nhất là xe máy, tiền, vàng bạc... vì đây là những tài sản phổ biến, dễ tiêu thụ trên thị trường.

Thứ năm, dự báo về địa điểm thực hiện hành vi phạm tội. Địa điểm mà tội phạm XPSH hướng vào là các khu vực tập trung đông dân cư, tập trung nhiều tài

sản, chủ sở hữu ít hoặc khó khăn trong việc quản lý tài sản, chủ yếu là nhà riêng, nhà cho thuê trọ, khu vực chợ, bến tàu, bến xe, khách sạn, ký túc xá, nơi tham quan - du lịch.

Những nội dung dự báo trên đây về tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương chỉ mang tính khái quát, hoạt động và diễn biến cụ thể còn phụ thuộc vào hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm của các cơ quan, ban ngành, nhân dân trên toàn tỉnh, sẽ tác động trực tiếp làm tăng hoặc giảm tình trạng phạm tội XPSH.

3.3. Giải quyết nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm xâm phạm sở hữu và phòng ngừa tình hình các tội phạm xâm phạm sở hữu

Vận dụng quan điểm chỉ đạo được thể hiện tại Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Bộ chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, Quyết định 282/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2011 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Bộ chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, Quyết định 623/QĐ-TTg Phê duyệt chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 – 2025 và định hướng đến 2030. Kết hợp với nội dung đã nghiên cứu của luận văn, tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm loại trừ các yếu tố thuộc nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội XPSH trong thời gian tới.

3.3.1. Những giải pháp khắc phục nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình tương tác nhập tâm

3.3.1.1. Những giải pháp về mặt chính trị

Theo quan niệm chung của cộng đồng quốc tế, trong đó có “Tuyên ngôn thế giới về quyền con người, năm 1948”, quyền chính trị - là những quyền liên quan đến những giá trị mà mỗi người được hưởng, như: Quyền tự do cơ bản của cá nhân; Quyền bình đẳng về phẩm giá; Quyền tham gia vào quản lý đất nước... Ở Việt Nam, từ Hiến pháp năm 1946 đến Hiến pháp 2013, các quyền con người nói chung, quyền dân sự - chính trị nói riêng của người dân đều được trân trọng ghi nhận.

Đặc biệt, tại Điều 3 Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định: “Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.” [16]. Như vậy, Nhà nước ta công nhận, tôn trọng bảo vệ và bảo đảm quyền con người. Trong đó có quyền bất khả xâm phạm về sở hữu tài sản của công dân.

Để thực hiện biện pháp về chính trị đạt hiệu quả, bảo đảm quyền chính trị của nhân dân, Cấp ủy – chính quyền các cấp quan tâm, tập trung:

Thứ nhất, tạo ra cơ chế rõ ràng, cụ thể để người dân tham gia công việc quản lý nhà nước và xã hội, thực hiện thông qua bầu cử và trên nguyên tắc dân chủ; bình đẳng về chính trị, không phân biệt người nghèo; thực hiện nghiêm túc phương châm “Dân biết, dân bàn, dân kiểm tra”

Thứ hai, thực hiện nghiêm túc và kiên nghị cấp trên không ngừng đổi mới hình thức, nội dung các kỳ họp Hội đồng nhân dân theo hướng chất lượng, thực chất, dân chủ... từ đó góp phần xây dựng bộ máy chính quyền trong sạch, vững mạnh, nhằm bảo đảm tốt hơn quyền dân sự và chính trị của nhân dân.

3.3.1.2. Những giải pháp về mặt kinh tế

Hoàn cảnh kinh tế là một trong những yếu tố có ý nghĩa rất lớn đối với việc hình thành động cơ, mục đích phạm tội và tác động trực tiếp đến cách thức xử sự của con người. Kinh tế ổn định và phát triển là nền tảng vững chắc cho công tác phòng ngừa tội phạm nói chung và các loại tội XPSH nói riêng trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Trong thời gian qua, Đảng bộ và chính quyền tỉnh Bình Dương đã ban hành các chính sách phát triển kinh tế nhằm tạo nhiều việc làm cho người dân, nâng cao chất lượng cuộc sống, giảm khoảng cách giàu nghèo, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị, tạo nhiều quỹ phúc lợi xã hội. Nhưng bên cạnh đó cũng còn một bộ phận không nhỏ dân cư có đời sống kinh tế khó khăn, không việc làm, việc làm không ổn định, sự phân hóa giàu nghèo vẫn ở mức cao. Vì vậy, để giảm bớt các tác động tiêu cực từ môi trường kinh tế, tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục tạo môi trường thuận lợi nhằm thu hút các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, đặc biệt là doanh nghiệp đầu tư vào sản phẩm có hàm lượng giá trị cao; sử dụng công nghệ cao, tiết kiệm năng lượng, ít gây ô nhiễm môi trường; đầu tư vào các khu vực nông thôn (Dầu Tiếng, Phú Giáo); Hỗ trợ vay vốn; hỗ trợ xúc tiến thương mại; tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh...

Thứ hai, thực hiện các chính sách đẩy mạnh phát triển nông nghiệp và nông thôn: Kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư và chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật, các quy trình sản xuất, các mô hình canh tác tiên tiến nhằm chuyển biến mạnh mẽ về năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao sức cạnh tranh trong tiến trình hội nhập; chủ động tạo đầu ra ổn định cho sản phẩm nông nghiệp, thủ công nghiệp, tránh các trường hợp được mùa mất giá, được giá lại bị mất mùa; quan tâm và tạo điều kiện cho nông dân dễ dàng tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, với mức lãi suất thấp để phát triển sản xuất; đẩy mạnh phát triển các làng nghề truyền thống như nghề gốm, nghề sơn mài bằng các chính sách hỗ trợ, đầu tư vốn, trong thiết bị kỹ thuật, xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm làng nghề thủ công...

Các giải pháp phát triển kinh tế nhằm tạo thêm nhiều việc làm cho người dân trong tỉnh cũng chính là một trong các giải pháp quan trọng nhằm hạn chế tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm, kinh tế khó khăn, từ đó sẽ dần góp phần nâng cao đời sống một bộ phận dân cư khó khăn, khắc phục dần tình trạng nghèo đói sinh ra bất mãn, ghen tức, thù hận, chống đối, tìm mọi cách kiếm tiền bất chính...

3.3.1.3. Những giải pháp về mặt xã hội

Để hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường xã hội tác động tới tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương, Tỉnh ủy, ban, ngành các cấp và các tổ chức xã hội cần phải:

Thứ nhất, đảm bảo thực hiện tốt, có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội và giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh.

Cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tập huấn nâng cao trình độ cho người lao động nhằm đáp ứng được nền kinh tế phát triển, như mở các trung tâm dạy nghề,

chú trọng đến chất lượng đào tạo và mở rộng đào tạo các ngành nghề cần thiết hiện nay. Có chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo học nghề cho người lao động, giới thiệu việc làm cho người học nghề sau khi hoàn thành các khóa đào tạo nghề.

Cần cơ chế chính sách đột phá về giảm nghèo nhanh và bền vững cho hộ nghèo, hộ cận nghèo nhằm hỗ trợ cho họ ổn định cuộc sống bằng các hình thức dạy nghề, tạo việc làm, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

Thứ hai, quản lý, kiểm soát chặt chẽ số người đến tạm trú và lưu trú trên địa bàn tỉnh, tập trung thực hiện ở địa bàn có nhiều khu công nghiệp, nhà trọ, nhà nghỉ, khu đông dân cư sinh sống như thị xã Dĩ An, thị xã Thuận An, thị xã Bến Cát, thành phố Thủ Dầu Một.

Thứ ba, tiếp tục xây dựng, nhân rộng và phát triển phong trào nhân dân tự quản về an ninh, trật tự như Câu lạc bộ phòng, chống tội phạm; Câu lạc bộ thanh niên nhà trọ; tổ xe ôm tự quản bảo vệ an ninh, trật tự. Xây dựng củng cố lực lượng bảo vệ khu công nghiệp, bảo vệ dân phố, dân phòng, tổ an ninh nhân dân thực sự là lực lượng nòng cốt của phong trào quần chúng hỗ trợ tích cực cho lực lượng Công an trong tuần tra, phát hiện, bắt giữ các đối tượng phạm tội nói chung và các loại tội XPSH nói riêng.

3.3.1.4. Những giải pháp về mặt văn hóa

Để hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường văn hóa đến quá trình hình thành nhân cách của trẻ, Đảng, chính quyền, đoàn thể, gia đình và nhà trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương cần có sự phối hợp chặt chẽ và cần chú ý các vấn đề sau:

Cơ quan chức năng của tỉnh, cụ thể là Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Văn hóa, thể thao và du lịch cần tăng cường quản lý chặt chẽ việc kiểm duyệt truyện, sách, báo, game online, băng đĩa, phim ảnh...; phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm như in sao đĩa lậu, lưu hành văn hóa phẩm đồi trụy, độc hại, kích động bạo lực nhằm răn đe, góp phần ngăn chặn tình trạng văn hóa phẩm độc hại tràn lan.

Chính quyền, các ban, ngành của tỉnh cần quan tâm xây dựng và phát triển những khu vui chơi giải trí bổ ích, phù hợp sở thích, lứa tuổi nhằm thu hút người dân đến vui chơi, sinh hoạt lành mạnh.

Cần có những biện pháp cụ thể nhằm hạn chế đến mức tối đa tình trạng nghiện hút, sử dụng trái phép các chất ma túy vì đây là một trong các nguyên nhân dẫn đến các hành vi phạm tội XPSH nhằm thỏa mãn nhu cầu nghiện hút ma túy.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được phân công các sở, ban, ngành cần lồng ghép công tác tuyên truyền, giáo dục vào nội dung công tác cụ thể nhằm tác động đến đông đảo quần chúng nhân dân, các tầng lớp trong xã hội nhận thức đúng, đầy đủ về trách nhiệm của mỗi cá nhân, gia đình và xã hội trong công tác phòng ngừa tội phạm nói chung và tội XPSH nói riêng.

Đối với từng gia đình, đồng thời với việc phát triển kinh tế gia đình, mỗi gia đình phải quan tâm hơn nữa sự phát triển nhân cách của các thành viên trong gia đình. Cha mẹ, ông bà phải làm tấm gương sáng cho con cháu noi theo ngay từ khi còn nhỏ. Thành viên trong gia đình phải yêu thương nhau để trẻ thấy sự gắn bó giữa con người với con người mà trước tiên là tình cảm giữa những người thân trong gia đình.

3.3.1.5. Những giải pháp về giáo dục

Qua nghiên cứu các loại tội XPSH đã xảy ra trên địa bàn tỉnh Bình Dương cho thấy phần lớn bị cáo đều có trình độ học vấn thấp (bị cáo có trình độ tiểu học, trung học cơ sở chiếm 79,21%, bị cáo không biết chữ chiếm 4,5%). Vì vậy, hạn chế đến mức thấp nhất các tác động tiêu cực từ môi trường giáo dục, tạo cơ hội học tập, nâng cao dân trí sẽ góp phần phòng ngừa hiệu quả đối với tội phạm nói chung và các loại tội XPSH nói riêng. Để làm tốt vai trò giáo dục, nhà trường cần phải:

Thứ nhất, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học trên phạm vi toàn tỉnh, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho thanh thiếu niên trong độ tuổi quy định được đến trường, vận động và tạo điều kiện để những học sinh bỏ học giữa chừng quay lại lớp học, nâng cao chất lượng dạy và học ở các trường, không chạy theo thành tích mà chú trọng vào chất lượng giáo dục.

Thứ hai, cần chú trọng công tác giáo dục đạo đức và kỹ năng sống cho học sinh. Nhà trường cần đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, các sân chơi lành mạnh cho mọi lứa tuổi, sở thích của các em như mô hình đội, nhóm, câu lạc bộ, trung tâm sinh hoạt thể thao, văn hóa,...

Thứ ba, ngoài việc dạy kiến thức phổ thông cần phải tuyên truyền, giáo dục pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật, ý thức tôn trọng tài sản, tôn trọng quyền sở hữu của người khác.

Thứ tư, cần phải tăng cường mối liên hệ khăng khít giữa gia đình, nhà trường và xã hội để kịp thời phát hiện và có những biện pháp tác động phù hợp đối với những em có biểu hiện lười học, bỏ tiết, nghiện thuốc lá, nghiện rượu, nghiện ma túy, cờ bạc, chơi games, tụ tập nhóm không lành mạnh... Hạn chế thấp nhất việc áp dụng biện pháp xử lý là đuổi học, đình chỉ học đối với các em vi phạm nội quy nhà trường

3.3.1.6. Giải pháp phát hiện, ngăn chặn và xử lý tội phạm

- Đối với cơ quan Công an

Cơ quan Cảnh sát điều tra cần cải tiến và nâng cao hiệu quả hợp tác với quần chúng nhân dân trong việc tiếp nhận tin báo về tội phạm XPSH để có thể phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời.

Nâng cao chất lượng, trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ chiến sĩ Công an nhân dân, trang bị các công cụ, phương tiện phục vụ cho việc ngăn chặn, điều tra các vụ việc có dấu hiệu tội phạm xâm phạm sở.

- Đối với Viện kiểm sát nhân dân

Tích cực trong việc quản lý và xử lý tin báo bằng cách cung cấp các số điện thoại đường dây nóng, mở hòm thư tố giác. Tăng cường kiểm sát việc giải quyết tin báo về tội phạm, đảm bảo việc giải quyết tin báo về tội phạm kịp thời, đúng pháp luật.

Tiếp tục thực hiện tốt các quy chế phối hợp liên ngành với các cơ quan bảo vệ pháp luật. Phối hợp với cơ quan Công an, Tòa án và các cơ quan ban ngành giải

quyết kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật các vụ án XPSH, tránh bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội.

- Đối với Tòa án nhân dân

Thực hiện xét xử công khai, nghiêm minh, xét xử lưu động nhiều hơn nữa những vụ XPSH. Công tác này nhằm giáo dục và răn đe với những trường hợp chuẩn bị hoặc có ý định chuẩn bị phạm tội.

Tòa án nhân dân cấp tỉnh cần làm tốt công tác tổng kết thực tiễn xét xử các vụ án hình sự nói chung và các tội XPSH nói riêng.

Thông qua công tác xét xử Tòa án cần sớm phát hiện nguyên nhân, điều kiện phạm tội, những hiện tượng tiêu cực của xã hội, sơ hở của công tác quản lý nhà nước, các phương thức thủ đoạn phạm tội XPSH để thống kê nhằm mục đích phối hợp với các ngành chức năng khác trong phòng ngừa tội phạm XPSH.

3.3.2. Những giải pháp khắc phục nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình tương tác xuất tâm

Nếu như ở mục trên - mục 3.3.1, đề cập đến những biện pháp cơ bản để thực hiện khắc phục nguyên nhân, điều kiện thuộc quá trình tương tác nhập tâm, tức là “Đẩy lùi tội phạm”, thì ở nội dung này, tác giả đề cập đến những giải pháp đó nhằm “Ngăn chặn tội phạm”.

Ngăn chặn tội phạm có mục tiêu tác động không phải là tác động vào các yếu tố làm phát sinh tội phạm (nhân), mà là quả (hậu quả của sự tác động qua lại giữa các yếu tố đó). Nhận định này là một trong những cơ sở lý luận định hướng cho tác giả đề ra các biện pháp ngăn chặn tội phạm.

3.3.2.1. Những giải pháp ngăn chặn tội phạm chưa xảy ra

Biện pháp này chủ yếu tác động vào sự chuẩn bị phạm tội, bao gồm việc quản lý công cụ gây án, quản lý tài sản. Cụ thể là những biện pháp sau:

- Nhóm biện pháp làm tê liệt quá trình chuẩn bị và thực hiện hành vi phạm tội XPSH.

Nhóm biện pháp này gồm chủ yếu là những biện pháp quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã, đặc biệt là của Công an các xã, phường, thị trấn,

của tổ dân phố, tổ nhân dân tự quản. Hoạt động của các phong trào đã và đang thực hiện ở Bình Dương nhằm ngăn chặn không cho tội phạm xảy ra.

Thứ nhất, thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm soát các khu vực trọng điểm ở tất cả các khung giờ, đặc biệt là các khung giờ thường xảy ra tội phạm XPSH;

Thứ hai, thực hiện tốt công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; tiến hành nắm tình hình để kịp thời phát hiện các cơ sở sản xuất, chế tác các công cụ, phương tiện mà bọn tội phạm thường sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội XPSH.

Nhóm biện pháp quản lý người phạm tội tiềm tàng

Theo quy định của pháp luật, một người sẽ không bị coi là có tội nếu không bị kết án bởi một Tòa án hợp pháp. Tuy nhiên, khái niệm người phạm tội tiềm tàng tồn tại trong Tội phạm học dùng để chỉ chủ thể có điều kiện, khả năng thực hiện hành vi phạm tội. Biện pháp để quản lý người phạm tội tiềm tàng bao gồm:

Thứ nhất, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện và chỉ đạo các cơ quan ban ngành phối hợp với các tổ chức đoàn thể chính trị-xã hội tăng cường quản lý các đối tượng tệ nạn xã hội, những người đang phải thi hành hình phạt không phải là hình phạt tù và những người đã thi hành xong hình phạt tù về các tội XPSH.

Thứ hai, Công an các cấp mà nòng cốt là Công an các xã, phường, thị trấn cần tăng cường hơn nữa việc nắm tình hình, bám sát địa bàn và đối tượng tại cơ sở. Thường xuyên rà soát phát hiện các địa bàn trọng điểm về tình hình tội phạm XPSH để tập trung chuyển hóa thành địa bàn không có tội phạm XPSH hoặc giảm tình hình tội phạm này tới mức thấp nhất; thực hiện tốt các phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, tham gia tố giác tội phạm do Công an cấp trên phát động;

- Nhóm biện pháp tác động vào nạn nhân tiềm tàng của tội phạm.

Thứ nhất, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao ý thức cảnh giác, ý thức bảo vệ tài sản như phải có phương tiện, công cụ và đầu tư cho việc bảo vệ tài sản của mình, nâng cao ý thức cảnh giác, không trao tài sản cho người khác khi không có sự tin tưởng;

Thứ hai, phải bố trí lực lượng tuần tra, canh gác, bảo vệ hoặc lắp camera giám sát ở những nơi có tài sản lớn hoặc ở nơi dân cư, cơ quan, công ty, doanh nghiệp;

Thứ ba, không phô trương tài sản khi chưa có biện pháp đảm bảo an toàn tài sản.

Thứ tư, đối với các cơ quan, doanh nghiệp cần phải quán triệt tinh thần cảnh giác đến toàn bộ nhân viên đề phòng những đối tượng lạ mặt trà trộn vào cơ quan thực hiện hành vi phạm tội XPSH. Bố trí lực lượng bảo vệ 24/24 giờ.

3.3.2.2. Những giải pháp ngăn chặn tội phạm đang xảy ra

Ngăn chặn ở trường hợp này là chặn đứng hành vi phạm tội đang diễn ra, không để cho tội phạm được thực hiện đến cùng. Bao gồm:

a) Ngăn chặn khi tội phạm đang được thực hiện

Biện pháp này tác động vào hành vi phạm tội đang diễn ra không để cho nó gây thêm thiệt hại về người và tài sản:

Thứ nhất, Công an cấp xã, Tổ nhân dân tự quản thường xuyên tuần tra ở những nơi có khả năng xảy các vụ phạm tội XPSH, những nơi vắng vẻ, tập trung nhiều tài sản của cơ quan, doanh nghiệp, cá nhân;...

Thứ hai, đoàn thanh niên ngoài việc thực hiện tốt hoạt động “Tuyến đường thanh niên tự quản” cần có kế hoạch phối hợp đoàn thanh niên Công an trong hoạt động xung kích tuần tra phòng, chống tội phạm XPSH một cách thường xuyên hơn nhằm tăng hiệu quả bắt quả tang người đang thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cướp, cướp giật tài sản;

Thứ ba, xây dựng mối quan hệ tình làng nghĩa xóm, nâng cao ý thức trong việc người dân bảo vệ tài sản, tinh thần đấu tranh chống tội phạm XPSH, phê phán lối sống “vô cảm” của một bộ phận người dân không hề có biện pháp nào hỗ trợ nạn nhân truy bắt tội phạm;...

b) Ngăn chặn những trường hợp lặp lại của hành vi phạm tội xâm phạm sở hữu

Các biện pháp ngăn chặn đối với trường hợp này phải là phát hiện sớm, tố giác ngay, khởi tố và xử lý kịp thời. Chủ thể thực hiện những biện pháp này không chỉ là lực lượng chuyên trách mà phải có sự tham gia của nhiều chủ thể khác. Bao gồm:

Thứ nhất, đối với cơ quan Công an. Nâng cao chất lượng công tác điều tra, kết hợp chặt chẽ hoạt động trinh sát và hoạt động điều tra nhằm không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, đảm bảo kịp thời, nghiêm minh; tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, khi phát hiện các đối tượng có biểu hiện nghi vấn đang tàng trữ vũ khí, công cụ để chuẩn bị gây án thì nhanh chóng tiến hành áp dụng các biện pháp nghiệp vụ khám xét và tước bỏ vũ khí, công cụ gây án của đối tượng không cho tội phạm thực hiện được hành vi phạm tội hoặc ngăn chặn tội phạm thực hiện đến cùng.

Thứ hai, đối với các nạn nhân trong các vụ phạm tội XPSH tài sản: cần báo ngay với cơ quan Công an để điều tra, kịp thời ngăn chặn hành vi phạm tội XPSH diễn ra tiếp theo;

Thứ ba, sau khi nhận được tin báo, các cơ quan tiến hành tố tụng cần phải xem xét các căn cứ để khởi tố vụ án hình sự nếu có để khởi tố và xử lý kịp thời;

Thứ tư, bên cạnh đó, đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình: cần tăng cường đề phòng, cảnh giác với các hành vi phạm tội XPSH nhằm tự bảo vệ tài sản của mình.

3.3.2.3. Những giải pháp ngăn chặn tái phạm.

Nhóm biện pháp này được thiết kế nhằm tác động vào trạng thái thứ ba của tội phạm, tức là tội phạm đã được xử lý theo pháp luật hình sự, người phạm tội đã thi hành xong bản án, gồm cả người phạm tội lần đầu và cả người tái phạm và tái phạm nguy hiểm, những biện pháp này rất đa dạng.

Thứ nhất, biện pháp này được tiến hành từ giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử. Đòi hỏi có sự tham gia nhiều chủ thể mà trực tiếp nhất là cơ quan tư pháp hình sự tác động trực tiếp đến người phạm tội, gia đình, bạn bè họ và những người tiếp nhận thông tin về hoạt động đó. Đặc biệt là trong giai đoạn xét xử, tòa án phải xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội và việc áp dụng hình phạt phải tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, tăng cường xét xử lưu động để mọi người cùng biết.

Thứ hai, giai đoạn thi hành án, chính quyền địa phương có trách nhiệm cải tạo, giáo dục, đào tạo nghề cho người chấp hành hình phạt tù; chính quyền địa phương có trách nhiệm giám sát, giáo dục người chấp hành án treo, cải tạo không giam giữ. Các cơ quan này phải chủ động thực hiện các biện pháp giúp nạn nhân chuẩn bị tái hòa nhập ngay trong quá trình chấp hành án. Tiếp tục đổi mới công tác giáo dục dạy nghề, truyền nghề, tạo việc làm cho phạm nhân, trại viên, học sinh để khi chấp hành xong hình phạt họ có thể làm những việc phù hợp, có thu nhập để nuôi sống bản thân;

Thứ ba, khi chấp hành xong hình phạt trở về địa phương, chính quyền địa phương có trách nhiệm:

- Ủy ban nhân dân các cấp, đặc biệt là cấp xã cần tăng cường lồng ghép công tác tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong hình phạt trở về địa phương với các chương trình, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội và công tác phòng, chống tội phạm; tổ chức thực hiện và chỉ đạo công tác tiếp nhận, quản lý, giáo dục, giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù trở về tái hòa nhập cộng đồng; phân công tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm quản lý, giáo dục, giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; vận động và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cơ sở, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tiếp nhận, giúp đỡ việc làm cho người chấp hành xong án phạt tù;

- Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức thành viên xây dựng chương trình hành động vận động các đoàn thể phối hợp các ngành cùng cấp duy trì hoạt động cảm hóa, giáo dục, giúp đỡ người lầm lỗi tại cộng đồng dân cư trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội; Tổ chức hướng dẫn việc dạy nghề, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo; hướng dẫn hoạt động từ thiện, nhân đạo giúp người chấp hành xong án phạt tù ổn định cuộc sống, tái hòa nhập cộng đồng.

Kết luận chương 3

Để phòng ngừa có hiệu quả với tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương thì nội dung hết sức quan trọng đó là nhận thức đúng đắn, đầy đủ các nguyên nhân, điều kiện phát sinh ra nó. Qua kết quả nghiên cứu, có thể khẳng định rằng các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương có thể phòng ngừa được. Việc phòng ngừa các tội này cần vận dụng lý luận về cơ chế hành vi phạm tội và quá trình của nó nhằm tìm ra các nguyên nhân của từng quá trình để đề ra, tiến hành đồng bộ cả các biện pháp “Đẩy lùi tội phạm” và “Ngăn chặn tội phạm”.

Các giải pháp được tác giả đề cập ở Chương 3 chủ yếu hướng vào việc tác động để lành mạnh hóa các môi trường gia đình, nhà trường và xã hội để hạn chế những yếu tố tiêu cực là nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Đồng thời, phát triển kinh tế địa phương gắn với việc nâng cao ý thức của người dân trong việc tuân thủ pháp luật, có ý thức giữ gìn những giá trị đạo đức truyền thống, tôn trọng nhân phẩm, danh dự của con người. Lực lượng thực thi các biện pháp phòng ngừa tội phạm XPSH không thể chỉ là lực lượng chuyên trách như Công an, Viện kiểm sát, Tòa án... mà nó còn đòi hỏi sự chung tay của toàn xã hội. Gia đình, nhà trường, các đoàn thể và chính bản thân những nạn nhân tiềm tàng của loại tội phạm này phải chủ động phòng ngừa.

KẾT LUẬN

Tình hình tội phạm XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015 diễn biến khá nghiêm trọng và có xu hướng gia tăng. Hành vi phạm tội chủ yếu mang tính vụ lợi, có chuẩn bị và chuẩn đích từ trước. Vì thế hậu quả do các tội phạm này gây ra thiệt hại tài sản rất lớn. Bên cạnh đó, tình hình tội phạm XPSH thời gian qua đã gây sự hoang mang, phần nộ và những tác động tiêu cực khác đến đời sống xã hội.

Người phạm tội chủ yếu là phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự. Người phạm tội chủ yếu ở độ tuổi lao động từ 18 đến 30 tuổi, không có nghề nghiệp, làm thuê và có thu nhập không ổn định, có trình độ văn hóa thấp và tỷ lệ người có chỗ ở không ổn định cao. Nguyên nhân và điều kiện của tội phạm sở hữu chủ yếu là do người phạm tội chỉ muốn hưởng thụ mà lại lười lao động, hay do nhu cầu không phù hợp với hoàn cảnh bản thân và gia đình; bên cạnh đó còn có các nguyên nhân và điều kiện về kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục đã làm cho một số người có sự nhận thức sai lệch trong đạo đức, nhân cách và lối sống, thậm chí họ không lường trước tới những hậu quả pháp lý sẽ xảy ra đối với họ; ngoài ra có cả nguyên nhân và điều kiện đến từ phía người bị hại có thể kể đến là do người bị hại như ý thức cảnh giác và bảo vệ tài sản chưa cao, không tố giác tội phạm do thiếu tin tưởng vào cơ quan Công an, thiếu tinh thần đấu tranh chống tội phạm, hoặc ngại rắc rối mà không khai báo. Mặt khác, do công tác phát hiện, xử lý tội phạm của những cơ quan chuyên trách còn nhiều hạn chế.

Các giải pháp chủ yếu hướng vào đẩy lùi và ngăn chặn tình hình tội phạm bằng việc tác động để lành mạnh hóa các môi trường gia đình, nhà trường và xã hội để hạn chế những yếu tố tiêu cực là nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội phạm XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương; đồng thời lực lượng tiến hành các biện pháp phòng ngừa các tội phạm XPSH phải kết giữa hợp lực lượng chuyên trách như Công an, Viện kiểm sát, Tòa án, chính quyền địa phương và lực lượng

không chuyên trách như gia đình, nhà trường, các đoàn thể và chính bản thân những nạn nhân tiềm tàng của loại tội phạm này.

Luận văn đã được tác giả nghiên cứu một cách nghiêm túc trên cơ sở lý luận, kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn từ quá trình học tập cũng như làm việc. Đặc biệt là sự hỗ trợ, giúp đỡ tận tình, nhiệt huyết của Thầy Phó Giáo sư – Tiến sĩ Phạm Văn Tỉnh, các thầy cô đã giảng dạy lớp cao học luật khóa 6 – đợt 1 năm 2015 Học viện khoa học xã hội, các bạn bè, đồng nghiệp... Tuy nhiên với khả năng và kinh nghiệm nghiên cứu của bản thân còn hạn chế nên quá trình thực hiện và hoàn thành luận văn không tránh khỏi những khiếm khuyết, hạn chế nhất định. Kính mong nhận được sự góp ý của các nhà khoa học, quý thầy cô, bạn bè và những người quan tâm để luận văn được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo 138 của Chính phủ (1999), *Kế hoạch số 01/BCĐ138/CP, ngày 10/12/1999 triển khai thực hiện Nghị quyết 09/CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ và Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm.*
2. Ban Chỉ đạo phòng chống tội phạm tỉnh Bình Dương (2013), *Báo cáo kết quả kiểm tra việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 48/CT-TW gắn Nghị quyết 09/CP ngày 31/7/1998 tại các cấp ủy, chi bộ thuộc huyện, thành, thị trên địa bàn tỉnh.*
3. Bộ Chính trị (2010), *Chỉ thị số 48/CT-TW ngày 22/10/2010 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.*
4. Bộ Công an (2013), *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*, Học viện CSND, Hà Nội.
5. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.*
6. Chính phủ (2011), *Nghị định số 80/NĐ-CP ngày 16/9/2011 Quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù.*
7. Chính phủ (2011), *Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 24/02/2011 Ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.*
8. Chính phủ (2012), *Quyết định số 1217/QĐ-TTg ngày 06/9/2012 Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2012 – 2015.*
9. Chính phủ (2016), *Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 – 2025 và định hướng đến năm 2030.*

10. Công an tỉnh Bình Dương (2011 – 2015), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*.
11. Công an tỉnh Bình Dương (2011), *Kế hoạch số 08/KH-CAT-PV11 ngày 16/03/2011 thực hiện Chỉ thị số 48/CT-TW ngày 22/10/2010 về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới” trong lực lượng Công an Bình Dương*.
12. Công an tỉnh Bình Dương (Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) (2011 – 2015), *Thống kê nhân hộ khẩu năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*.
13. Cục Thống kê tỉnh Bình Dương (2011 – 2015), *Niên giám thống kê năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*.
14. Đặng Quang Dũng (2010), *Các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trong luật hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội.
15. Nguyễn Mạnh Kháng (2000), *Tội phạm học Việt Nam một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Phần IV, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
16. Phạm Thị Triều Mến (2016), *Nhân thân người phạm tội XPSH từ thực tiễn tỉnh Bình Dương*, Luận văn Thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội.
17. Nguyễn Văn Phên (2016), *Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương*, Luận văn Thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội.
18. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự phần các tội phạm*, Tập 1, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, TP.HCM.
19. Quốc hội (2009), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1999), sửa đổi bổ sung năm 2009*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. Quốc hội (2015), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 27 tháng 11 năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tổ tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

22. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tổ tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 27 tháng 11 năm 2015*.
23. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Tỉnh ủy Bình Dương (2014), *Báo cáo sơ kết 4 năm thực hiện Chỉ thị số 48/CT-TW ngày 22/10/2010 về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*.
25. Tỉnh ủy Bình Dương (2011), *Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 12/01/2011 về việc thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*.
26. Phạm Văn Tinh (2016), *Bài giảng Tội phạm học*, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.
27. Phạm Văn Tinh (1996), *Cơ chế hành vi phạm tội- cơ sở để xác định nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí Kiểm sát, (số 01 và 03), tr. 18-21 và tr.29-32.
28. Phạm Văn Tinh, Đào Bá Sơn (2010), *Đấu tranh với tình hình tội phạm chống người thi hành công vụ ở nước ta hiện nay*, Nxb Công an nhân dân.
29. Phạm Văn Tinh (2007), *Khái niệm tội phạm và tình hình tội phạm dưới góc độ của tội phạm học*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 6), tr. 73-79.
30. Phạm Văn Tinh (2011), *Khoa học pháp lý Việt Nam và yêu cầu nâng cao trình độ lý luận theo tinh thần Nghị quyết XI của Đảng*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 8), tr.14-16, Hà Nội.
31. Phạm Văn Tinh (2007), *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
32. Phạm Văn Tinh và Nguyễn Văn Cảnh (2013), *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*, do Học viện Cảnh sát nhân dân, Bộ Công an ấn hành, Hà Nội.

33. Phạm Văn Tinh (2008), *Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay - mô hình lý luận*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 6), tr. 79-84.
34. Phạm Văn Tinh (2011), *Phòng ngừa tội phạm và vấn đề bảo vệ quyền con người – Một nghiên cứu liên ngành tội phạm học và nhân quyền học*, Tạp chí Cảnh sát Nhân dân (số 7), tr. 07-14.
35. Phạm Văn Tinh (2010), *Quyền con người – Bản chất và cách tiếp cận khoa học pháp lý*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 12), tr. 60-65.
36. Phạm Văn Tinh (2014) *Tội phạm học Việt Nam - Một số chuyên đề đại cương cơ bản*, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.
37. Phạm Văn Tinh (1994), *Tình trạng người phạm tội ở nước ta hiện nay và vấn đề tuyên truyền giáo dục pháp luật*, Tạp chí Công an Nhân dân, (số 10), tr. 56-58.
38. Phạm Văn Tinh (2009), *Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 4), tr. 57-64.
39. Phạm Văn Tinh (2007), *Vấn đề định nghĩa khái niệm tội phạm học và nhu cầu nâng cao trình độ lý luận tội phạm học ở nước ta*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 12), tr. 69-73.
40. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (2011-2015), *Các bản án sơ thẩm hình sự về các tội XPSH trên địa bàn tỉnh giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 (100 bản án)*.
41. Trường ĐH Luật Hà Nội (2005), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
42. Trần Hữu Tráng (2011), *Nguyên cơ trở thành nạn nhân của tội phạm*, Tạp chí Luật học, (số 10), tr. 55-63.
43. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (2011-2015), *Thống kê xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015*.
44. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (2011-2015), *Báo cáo tình hình kinh tế xã hội tỉnh Bình Dương các năm 2011 – 2015*.

45. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (2013), *Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 23/9/2013 v/v triển khai thực hiện Nghị quyết số 53/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 của HĐND tỉnh về phòng, chống tội phạm trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013 – 2015*.
46. Đào Trí Úc (1993), *Hệ thống các biện pháp phòng ngừa xã hội đối với tội phạm*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Bộ Nội vụ, tr. 18-22, Hà Nội.
47. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, *Báo cáo thống kê án hình sự các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*.
48. Võ Khánh Vinh (2006), *Bình luận Khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
49. Võ Khánh Vinh (2002) *Dự báo tình hình tội phạm, một số vấn đề lý luận – thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
50. Võ Khánh Vinh (2009), *Giáo trình tội phạm học*, trường Đại học Huế, Thừa Thiên Huế.
51. Võ Khánh Vinh (2014), *Luật hình sự Việt Nam (phần chung), giáo trình sau đại học*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
52. Võ Khánh Vinh (2014), *Luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm), giáo trình sau đại học*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
53. Võ Khánh Vinh, *Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, tái bản năm 2011, 2013, Hà Nội.
54. Nguyễn Xuân Yêm (2013), *Tội phạm học Việt Nam phần tội phạm đại cương*, Tập 1, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

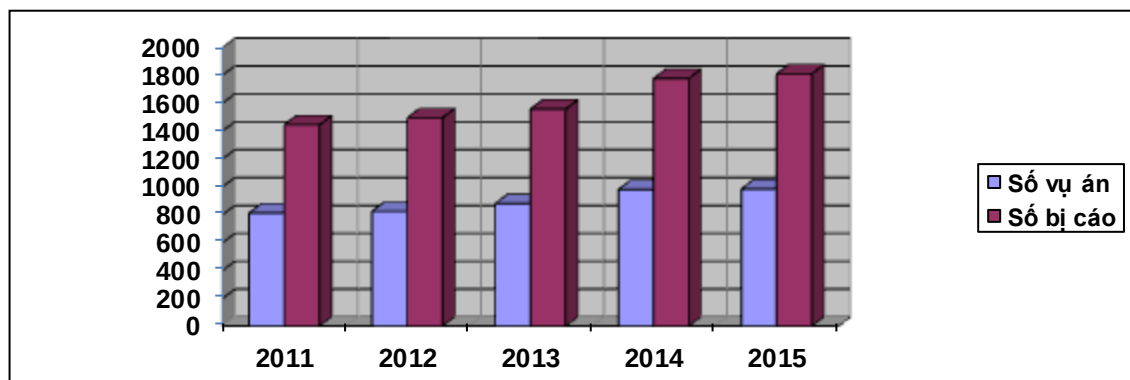
PHẦN PHỤ LỤC

Bảng 2.1. Mức độ tổng quan của tình hình tội phạm nói chung và tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương (2011 – 2015)

Năm	Tình hình tội phạm		Tình hình các tội XPSH		Tỷ lệ %	
	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo
2011	1.561	2.931	811	1.443	51,95	49,23
2012	1.776	3.506	823	1.494	46,34	42,61
2013	1.963	3.889	878	1.556	44,73	40,01
2014	2.152	4.222	979	1.775	45,49	42,04
2015	2.158	4.301	983	1.809	45,55	42,06
Tổng	9.610	18.849	4.474	8.077	46,55	42,85

* Nguồn: Số liệu thống kê của VKSND tỉnh Bình Dương

Bảng 2.2. Biểu đồ diễn biến tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương (2011-2015)



* Nguồn: Số liệu thống kê của VKSND tỉnh Bình Dương

Bảng 2.3. Cơ sở tội phạm nói chung và tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương (2011 – 2015)

Năm	Tổng số bị cáo đã xét xử	Tổng số bị cáo phạm tội XPSH	Dân số	Cơ sở tội phạm chung	Cơ sở tội XPSH
2011	2.931	1.443	1.691.413	173,29	85,31
2012	3.506	1.494	1.748.001	200,57	85,46
2013	3.889	1.556	1.802.476	215,75	86,32
2014	4.222	1.775	1.853.558	227,77	95,76
2015	4.301	1.809	1.861.714	231,02	97,16
Tổng	18.849	8.077	8.957.162	1.048,4	450,01
Trung bình	3.769,8	1.615,4	1.791.432	210,43	90,17

** Nguồn: Số liệu thống kê của VKSND tỉnh Bình Dương và Công an tỉnh Bình Dương*

Bảng 2.4. Cơ cấu của từng loại tội XPSH trong mối quan hệ với các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Tội danh	Số vụ án						Tỷ lệ %
	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tổng	
Điều 133	97	94	100	105	107	503	11,24
Điều 134	1	1	4	3	3	12	0,27
Điều 135	27	29	46	30	31	163	3,64
Điều 136	103	66	67	68	71	375	8,38
Điều 137	0	0	1	56	41	98	2,19
Điều 138	472	490	513	591	603	2.669	59,66
Điều 139	44	78	70	65	67	324	7,24
Điều 140	40	42	53	47	45	227	5,07
Điều 141	1	0	0	0	0	1	0,02
Điều 142	0	0	0	0	0	0	0
Điều 143	26	23	23	13	14	99	2,22
Điều 144	0	0	0	0	0	0	0
Điều 145	0	0	1	1	1	3	0,07
Tổng	811	823	877	979	983	4474	100

** Nguồn: Số liệu thống kê của VKSND tỉnh Bình Dương*

Bảng 2.5 Diễn biến tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011-2015 (so sánh định gốc)

Năm	Số vụ	Số bị cáo	Phần trăm số vụ(%)	Phần trăm số bị cáo(%)
2011	811	1.443	100	100
2012	823	1.494	101,48	103,53
2013	878	1.556	108,26	107,83
2014	979	1.775	120,72	123
2015	983	1.809	121,2	125,36
Giai đoạn 03 năm	Số vụ	Số bị cáo	Phần trăm số vụ(%)	Phần trăm số bị cáo(%)
2011-2013	2512	4493	100	100
2013-2015	2840	5140	113,06	114,4

(Nguồn: Báo cáo thống kê của TAND tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015)

Bảng 2.6. Diễn biến tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn cả nước giai đoạn 2011 – 2015

Năm	Tổng số khởi tố		Số lượng tăng, giảm so với năm trước		Tỷ lệ tăng, giảm so với năm trước (%)	
	Số vụ án	Số bị can	Số vụ án	Số bị can	Số vụ án	Số bị can
2011	29.275	41.089				
2012	31.703	43.972	2.428	2.883	7,66	6,56
2013	32.256	42.984	553	- 988	1,71	-2,3
2014	34.962	42.480	2.706	-504	7,74	-1,19
2015	33.877	38.470	-1.085	-4.010	-3,2	-10,42

** Nguồn: Số liệu thống kê của VKSND tối cao*

Bảng 2.7. Cơ cấu của tình hình các tội XPSH ở tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011 – 2015 xét theo đơn vị hành chính cấp huyện trên cơ sở cơ sở tội phạm và mật độ tội phạm

STT	Đơn vị hành chính	Số dân	Diện tích (km ²)	Số bị cáo	Số bị cáo/1 km ²	Số dân/1 bị cáo
01	Thị xã Dĩ An	354.367	59,95	2.328	38,8323 (1)	152,220(1)
02	Thị xã Thuận An	434.644	83,69	1.904	27,7506 (2)	228,280 (3)
03	Thị xã Bến Cát	232.132	192,48	1.480	7,6891 (3)	156,846 (2)
04	Thành phố Thủ Dầu Một	260.738	118,67	887	7,4745 (4)	293,955 (5)
05	Thị xã Tân Uyên	231.892	234,41	823	3,5109 (5)	281,764 (4)
06	Huyện Phú Giáo	89.715	543,78	257	0,4726 (6)	349,086 (7)
07	Huyện Dầu Tiếng	114.927	721,39	337	0,4672 (7)	341,030 (6)
08	Huyện Bàu Bàng	82.177	339,17	29	0,0855 (8)	2.833,690 (9)
09	Huyện Bắc Tân Uyên	61.122	400,89	32	0,0798 (9)	1.910,063(8)
Tổng cộng		1.861.714	2.694,43	8.077	2,9977	230,496

* Nguồn: Số liệu thống kê của VKSND tỉnh Bình Dương và Công an tỉnh Bình Dương

Bảng 2.8. Cơ cấu của tình hình các tội XPSH ở tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011 – 2015 xét theo đơn vị hành chính cấp huyện trên cấp độ nguy hiểm

STT (1)	Địa danh (2)	Thứ bậc đã xét theo diện tích và số dân (3)	Hệ số tiêu cực (4)	Cấp độ nguy hiểm (5)
01	Thị xã Dĩ An	1 + 1	2	1
02	Thị xã Thuận An	2 + 3	5	2
03	Huyện Bến Cát	2 + 3	5	2
04	Thành phố Thủ Dầu Một	4 + 5	9	3
05	Huyện Tân Uyên	4 + 5	9	3
06	Huyện Phú Giáo	6 + 7	13	4
07	Huyện Dầu Tiếng	6 + 7	13	4
08	Huyện Bàu Bàng	9 + 8	17	5
09	Huyện Bắc Tân Uyên	8 + 9	17	5

Bảng 2.9. Cơ cấu xét theo các bước thực hiện hành vi phạm tội

Các bước	Số vụ	Số bị cáo	Tỷ lệ %	
			Số vụ	Số bị cáo
Một bước	7	15	7	8,42
Hai bước	68	121	68	67,98
Ba bước	25	42	25	23,6
Tổng	100	178	100	100

** Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015*

Bảng 2.10. Cơ cấu xét theo công cụ gây án

Tội danh thực hiện	Công cụ gây án	Số vụ	Số bị cáo	Tỷ lệ %	
				Số vụ	Số bị cáo
Trộm cắp tài sản	Các loại mẩu chìa khoá, vạm phá khoá, tuốt nơ vít, dụng cụ tự chế	35	61	35	34,26
	Kìm cộng lực	2	5	2	2,8
	Các loại vật cứng khác	29	42	29	23,59
	Không dùng công cụ	9	15	9	8,42
Cướp, cướp giật tài sản	Dao, kiếm, mã tấu, búa, chai lọ thủy tinh...	18	30	18	16,85
Tội danh xâm phạm sở hữu khác	Các loại công cụ khác để phạm tội	16	25	16	14,08
Tổng		100	178	100	100

* Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015

Bảng 2.11. Cơ cấu xét theo thời gian gây án

Thời gian	Số vụ	Tỷ lệ %
Sau 00 giờ - 06 giờ	32	32
Sau 06 giờ - 12 giờ	8	8
Sau 12 giờ - 18 giờ	31	31
Sau 18 giờ - 00 giờ	29	29
Tổng	100	100

* Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015

Bảng 2.12. Cơ cấu xét theo địa điểm thực hiện hành vi phạm tội

Địa điểm	Số vụ	Tỷ lệ %
Tại nhà bị hại	69	69
Tại nhà bị cáo	5	5
Tại nhà người quen	2	2
Trên đoạn đường vắng	17	17
Nơi khác	7	7
Tổng	100	100

* Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015

Bảng 2.13. Cơ cấu xét theo phương tiện gây án

Phương tiện gây án	Số vụ	Tỷ lệ %
Xe mô tô, xe gắn máy	42	42
Đi bộ đột nhập	33	33
Phương tiện công nghệ cao	14	14
Phương tiện gây án khác	11	11
Tổng	100	100

** Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015*

Bảng 2.14. Cơ cấu xét theo thiệt hại do tội phạm gây ra

Tiêu chí	Mô tả cụ thể	Số vụ	Tỷ lệ %
Thiệt hại do hành vi phạm tội đối với nạn nhân	Thiệt hại về kinh tế	81	81
	Gây thương tích	17	17
	Gây tử vong	3	3
	Xâm phạm tình dục	00	00
Tổng		100	100

** Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015*

Bảng 2.15. Cơ cấu xét theo chế tài đã áp dụng

Hình phạt	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Phạt tiền	7	3,93
Án treo, cải tạo không giam giữ	37	20,78
Dưới 03 năm tù	102	57,3
Từ 03 năm đến dưới 07 năm tù	23	12,92
Từ 07 năm đến dưới 15 năm tù	9	5,05
Chung thân, tử hình	00	00
Tổng	178	100

** Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015*

Bảng 2.16. Cơ cấu xét theo độ tuổi của bị cáo

Độ tuổi	Số bị cáo	Tỷ lệ
Từ đủ 14 đến dưới 18 tuổi	31	17,41
Từ đủ 18 tuổi đến dưới 30 tuổi	92	51,68
Từ đủ 30 tuổi đến dưới 45 tuổi	32	17,98
Từ đủ 45 tuổi đến 60 tuổi	21	11,8
Trên 60 tuổi	2	1,13
Tổng số	178	100

** Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015*

Bảng 2.17. Cơ cấu xét theo giới tính của bị cáo

Đặc điểm	Giới tính	
	Nam	Nữ
Số bị cáo	142	36
Tỷ lệ %	79,78	20,22
Tổng số	178=100%	

** Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015*

Bảng 2.18. Cơ cấu xét theo hình thức cư trú

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Số bị cáo	Tỷ lệ (%)
Nơi cư trú	Tổng số	131	100
	Thường trú	43	24,15
	Tạm trú	126	70,79
	Sống lang thang	9	5,06
	Tổng số	178	100

** Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015*

Bảng 2.19. Cơ cấu theo trình độ văn hóa của bị cáo

Trình độ văn hóa	Số bị cáo	Tỷ lệ (%)
Mù chữ	08	4,5
Tiểu học	62	34,83
Trung học cơ sở	79	44,38
Trung học phổ thông	27	15,19
Trung cấp, cao đẳng, đại học	02	1,1
Sau đại học	00	00
Tổng số	178	100

** Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015*

Bảng 2.20. Cơ cấu xét theo nghề nghiệp của bị cáo

Nghề nghiệp	Số bị cáo	Tỷ lệ (%)
Không có nghề nghiệp	62	34,83
Nghề nghiệp không ổn định	107	60,11
Nghề nghiệp ổn định	09	5,06
Tổng số	178	100

** Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015*

Bảng 2.21. Cơ cấu xét theo tôn giáo, tín ngưỡng

Đặc điểm	Tôn giáo	
	Có tôn giáo	Không
Số bị cáo	19	159
Tỷ lệ %	10,67	89,33
Tổng số	178=100%	

** Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015*

Bảng 2.22. Cơ cấu xét theo hoàn cảnh gia đình

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Số bị cáo	Tỷ lệ (%)
Hoàn cảnh gia đình	Gia đình hoàn thiện (1)	72	40,44
	Gia đình không hoàn thiện (2)	106	59,56
	Kinh tế gia đình thuận lợi (3)	21	11,8
	Kinh tế gia đình không thuận lợi (4)	157	88,2
	Tổng số (1) + (2) hoặc (3) + (4)	178	100

** Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015*

Bảng 2.23. Cơ cấu xét theo tình trạng hôn nhân

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Số bị cáo	Tỷ lệ (%)
Tình trạng hôn nhân	Đã kết hôn	82	46,07
	Chưa kết hôn	96	53,93
	Tổng số	178	100

** Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015*

Bảng 2.24. Cơ cấu xét theo đặc điểm tiền sự

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Số bị cáo	Tỷ lệ (%)
Tiền án, tiền sự	Phạm tội lần đầu	110	61,8
	Tiền án, tiền sự	68	38,2
	Tổng số	178	100

** Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015*

Bảng 2.25. Cơ cấu xét theo đặc điểm tái phạm, tái phạm nguy hiểm

Tiêu chí	Số bị cáo	Tỷ lệ (%)
Tái phạm	15	8,43
Tái phạm nguy hiểm	03	1,69
Tổng số bản án nghiên cứu	178	100

** Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến năm 2015*